

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TÀI

QUYỂN 17

1. Đường Ý Tông: (Canh Thìn)

Ý Tông tên là Thôi, con trưởng của Tuyên Tông. Ông thích âm nhạc, đi chơi, yến tiệc, giao việc chánh sự cho các quan. Ông lại đón xá-lợi của Phật và nói: “Lúc sống mà được thấy, thì chết không ân hận”.

Ông thọ ba mươi sáu tuổi, an táng ở Giản lăng, trị vì mười bốn năm. Lên ngôi đổi niên hiệu là Hàm Thông.

2. Thiền sư Đại Từ Hoàng Trung: (Nhâm Ngọ)

Sư họ Lư, quê ở Bồ Phán. Người Sư xương đỉnh đầu nhô cao, tiếng nói như chuông. Sư xuất gia ở chùa Đồng Tử, Tinh châu, thọ tâm ấn với Thiền sư Bá Trọng, dựng am tu ở Nam nhạc.

Một hôm Nam Tuyên đến hỏi Sư:

- Thế nào là người chủ trong am?

Sư đáp:

- Trời xanh! Trời xanh!

- Trời xanh cũng mặc kệ, thế nào là người chủ trong am?

- Hiểu thì hiểu ngay, chớ có trù trừ.

Nam Tuyên liền phất áo đi.

Triệu Châu hỏi Sư:

- Bát-nhã lấy gì làm thể?

Sư vặn lại:

- Bát-nhã lấy gì làm thể?

Triệu Châu cười vang rồi bỏ đi.

Hôm sau, thấy Triệu Châu quét sân. Sư hỏi:

- Bát-nhã lấy gì làm thể?

Triệu Châu buông chổi vỗ tay cười vang. Sư liền quay về phương trượng.

Về sau Sư trụ ở núi Đại từ, Triết giang. Sư thượng đường dạy chúng: “Sơn tăng chẳng có lời giải đáp chỉ có thể biết bệnh thôi.”

Sư nói tiếp:

- Nói được một tướng không bằng làm được một thước. Nói được một thước không bằng làm được một tấc”.

Đồ chúng rất đông, trên núi lại thiếu nước. Sư định dời đi nơi khác. Đêm ấy, bỗng mộng thấy thần nhân đến bảo: “Chớ đi nơi khác”.

Sáng ra, Sư thấy hai con hổ dùng chân bới đất, rồi suối từ dưới đất phun lên, nước ngọt vô cùng.

Khi ấy, có vị Tăng từ Nam nhạc đến nói:

“Suối ở Đồng tử cạn kiệt hóa ra được đời qua đây”.

Vì vậy Tô Đông Pha có lần đề thơ rằng:

*Tháp đá sừng sững núi phía Đông
Thiền sư vừa đến trăm thần trông
Hổ dời mạch suối theo chân bước
Rồng mang sóng cả đến cúng dường
Ngày nay lũ khách tắm rửa xong.
Nằm nghe thêm đá tiếng ngọc vòng
Phải biết Thiền sư như suối ấy
Đừng để trần gian đến đi mong.*

Ngày rằm tháng hai năm Hàm Thông thứ ba, Sư không bệnh và thị tịch, thọ tám mươi ba tuổi, hạ lạp năm mươi bốn. Hy Tông ban Sư thụy là Tánh Không Đại sư, tháp hiệu là Định Tuệ.

Quý Mùi: Vua Phong Pháp sư Tri Huyền làm Ngộ Đạt Quốc sư, quản lý toàn bộ Phật sự trong nước.

3. Thiền sư Đức Sơn Tuyên Giám: (Ất Dậu)

Sư họ Chu, quê ở Kiến nam, Lăng châu. Sư là người tinh thông Tam tạng, từng giảng kinh Kim Cang, nên người đương thời gọi Sư là Chu Kim Cang.

Một hôm Sư bùi ngùi than: “Thấu tận mọi biện luận huyền vi chẳng khác một sợi lông để trong hư không; tinh thông hết thủy then chốt trong đời, không khác một giọt nước rơi trong biển cả. Học và không học, chỉ ta biết thôi”.

Thế rồi Sư vất hết sự nghiệp đến yết kiến Thiền sư Long Đàm và nói:

- Lâu nay nghe danh Long Đàm (Đàm Rồng) nhưng đến nơi thì Đàm cũng chẳng thấy mà Long cũng chẳng hiện.

Sùng Tín nói:

- Ông phải đích thân đến Long Đàm!

Đêm ấy, Sư đứng hầu, đêm rất khuya nhưng Sư vẫn không đi. Sùng Tín thấy vậy hỏi:

- Sao ông không đi?

Sư đáp:

- Tối quá.

Sùng Tín bèn thắp đèn đưa cho Sư. Sư vừa cầm được Tín liền thổi tắt. Sư hốt nhiên đại ngộ. Nói:

- Từ nay về sau con không nghi ngờ miệng lưỡi của chư lão Hòa thượng trong thiên hạ nữa.

Ngay hôm ấy, Sư từ giả ra đi. Sùng Tín nói với đồ chúng:

- Trong đây có một gã răng như rừng kiếm, miệng như chậu máu, đánh một gậy chẳng ngó lại. Ngày sau, y lên đỉnh núi chót vót dựng lập đạo ta.

Sư ở Lễ Dương ngót ba mươi năm. Đầu năm Đại Trung, Thái thú Vũ lăng là Tiết Diên Vọng dựng tinh xá Đức Sơn, thỉnh Sư trụ trì, xiển dương tông phong. Sư thượng đường dạy chúng:

- Mình đã vô sự thì chớ vọng cầu, vọng cầu mà được là không thật được. Chỉ cần các ông vô tâm với mọi việc, vô sự với tâm thì rỗng rang mà lại linh diệu, vắng lặng mà lại nhiệm mầu. Nếu ngay đầu sợi lông mà luận bàn có gốc ngọn thì đều là tự lừa dối mình. Có mảy may nhớ nghĩ là nghiệp nhân của tam đồ. Tích tất tình sinh thì muôn kiếp bị khóa chặt. Danh thánh, hiệu phạm đều là hư thanh (không thật), tướng đẹp, hình hèn đều là huyễn sắc. Các ông muốn cầu mà không bị lụy sao. Đến như các ông nhàm chán thì lại thành bệnh nặng rồi cuộc chẳng lợi ích gì.

Có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là Bồ-đề?

Sư đánh, nói:

- Đi ra! Chớ đâm đầu trong đồng phân ấy.

Tăng hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư đáp:

- Phật là Tỳ-kheo-già ở Tây Thiên.

Tuyết Phong hỏi:

- Từ xưa tông thừa lấy pháp gì dạy người?

Sư đáp:

- Tông ta không có ngữ cú, cũng chẳng có pháp gì dạy người.

Đến khi thị tịch, Sư nói với đồ chúng:

- Bất hư không, đuổi tiếng vang, chỉ lao nhọc tâm thần; tỉnh mộng, tỉnh cái không thật, rốt cuộc còn việc gì nữa.

Nói xong, Sư ngồi ngay thẳng thị tịch, thọ tám mươi sáu tuổi, tăng lạp sáu mươi lăm ha. Bấy giờ là ngày ba tháng mười hai năm Hàm Thông thứ sáu. Vua ban cho Sư thụy là Kiến Tánh Đại sư.

4. Thiên sư Lâm Tế Nghĩa Huyền: (Bính Tuất)

Sư họ Hình, quê ở Nam Hòa, Tào châu, tham học với Thiên sư Hoàng Bá. Sư hỏi Hoàng Bá:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư nói chưa hết câu thì liền bị Hoàng Bá đánh. Cứ thế ba lần hỏi, ba lần đều bị đánh. Sư từ giả Hoàng Bá và xuống núi. Hoàng Bá bảo Sư đến Cao An tham vấn Đại Ngu.

Sư đến Đại Ngu. Đại Ngu hỏi:

- Gần đây Hoàng Bá có lời nào dạy ông không?

Sư thưa:

- Ba lần con hỏi đại ý Phật pháp đều bị đánh ba lần, chẳng biết con có lỗi gì không?

Đại Ngu nói:

- Hoàng Bá đã hết lòng như vậy, mà ông còn hỏi có lỗi không lỗi nữa ư!

Ngay câu nói này, Sư hốt nhiên đại ngộ, nói:

- Hóa ra Phật pháp của Hoàng Bá không nhiều.

Đại Ngu nắm đứng, hỏi:

- Con quỉ đá dưới đường, vừa rồi có lỗi không lỗi, bây giờ lại nói Phật pháp của Hoàng Bá không nhiều, người thấy được cái gì?

Sư liền thoi vào hông Đại Ngu ba cái. Đại ngu đẩy Sư ra và nói:

- Thầy ông là Hoàng Bá, chẳng can hệ đến việc của ta.

Thế là Sư quay về lại Hoàng Bá. Hai thầy trò khế hội, đại cơ đại dụng lừng lẫy một thời. Sau, Sư về lại quê hương, nhận lời thỉnh của người họ Triệu, cư ngụ tại vườn Thiên Lâm Tế phía Nam Trụ Tử thành. Học chúng đua nhau đến cầu học. Sư dạy chúng: “Trong cục thịt đỏ có một vô vị chân nhân, thường ra vào trên mặt các ông, chưa chứng thì nướng đỏ mà xem!”.

Có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là Vô vị chân nhân?

Sư bước khỏi giường thiền, nắm đứng nói:

- Nói mau! Nói mau!

Vị tăng ấy suy nghĩ, Sư buông ra nói:

- Vô vị chân nhân là bãi phân khô!

Sư hỏi Lạc Phổ:

- Trước đây một người thì đánh, một người thì thết, ông thân với ai?

Lạc Phổ đáp: Chẳng thân ai cả.

Sư hỏi:

Vậy thân nơi nào?

Lạc Phổ liền thết, Sư liền đánh.

Sư hỏi Hòa thượng Mộc Khẩu:

- Thế nào là trâu trắng nơi đất trống?

Mộc Khẩu làm tiếng rống. Sư làm tiếng như người cầm.

Mộc Khẩu hỏi: Lão huynh làm gì thế?

Sư đáp: Giữ súc sinh.

Đại Giác đến tham vấn, Sư dựng phất tử, Đại Giác trải tọa cụ. Sư ném phất tử, Đại Giác cuốn tọa cụ vào tăng đường. Đại chúng nói: “Do không phải người thân của Hòa thượng nên không lễ bái lại cũng không ăn gậy!”.

Sư nghe, liền sai gọi vị Tăng mới vừa đến, Đại Giác liền bước ra.

Sư hỏi:

- Đại chúng nói ông chưa từng tham vấn Trưởng lão?

Đại Giác nói:

Chẳng rõ!

Nói xong liền quay về với chúng.

Ma Cốc đến tham vấn, trải tọa cụ và hỏi:

- Quan Âm mười hai mặt, mặt nào là chính?

Sư bước xuống giường, một tay kéo tọa cụ, tay kia nắm đứng Ma

Cốc hỏi:

- Quan Âm mười hai mặt, đi tới chỗ nào?

Ma Cốc quay mình toan ngồi xuống thiền sàng, Sư cầm trụ trượng đánh, Ma Cốc giật lấy, hai người cùng vào phương trượng.

Sư thượng đường nói: “Đại chúng! Phàm người vì pháp chẳng tránh khỏi tan thân mất mạng. Ta hỏi Hòa thượng Hoàng Bá ba lần thì ba lần ăn gậy, như ăn chổi, ngày nay muốn ăn nữa. Ai là người xuống tay cho ta?”

Bấy giờ có vị tăng, thưa:

- Con xuống tay! Hòa thượng muốn ăn bao nhiêu?

Sư đưa trụ trượng, vị tăng toan tiếp lấy, Sư liền đánh.

Vị tăng hỏi:

Thế nào là câu thứ nhất?

Sư đáp:

*Tam yếu khai ấn điểm sơn hẹp
Chưa cho nghĩ nghị chủ khách phân.*

- Thế nào là câu thứ hai?

- Diệu giải đâu cho Vô Trước hỏi

Bọt tan nào để chặn dòng sông.

- Thế nào là câu thứ ba?

- Hãy xem tượng gỗ đũa trong rạp

Lôi kéo toàn nhờ người phía trong.

Sư nói tiếp: Phàm một câu phải đầy đủ ba huyền môn, mỗi huyền môn phải đầy đủ Tam yếu. Có quyền có dụng, các ông làm sao hiểu?

Ngày mười tháng tư năm Hàm Thông thứ bảy, Sư sắp thị tịch, liền nói kệ truyền pháp:

*Duyên lưu bất chỉ vấn như hà
Chân chiếu vô biên thuyết tự tha
Ly tướng ly danh như bất bảm Suy
mao dụng liễu cấp tu ma. (Theo
dòng chẳng dứt hỏi thế nào
Chân chiếu không ngăn biết nói sao
Lìa tướng lìa danh như chẳng nhận
Gươm bén dùng rồi phải mài mau).*

Nói kệ xong, Sư an nhiên thị tịch. Vua sắc phong Sư thụy là Tuệ Chiếu Đại Sư, tháp hiệu là Trường Linh.

5. Thiên sư Trường Sa Cảnh Sâm: (Mậu Tý)

Sư hiệu là Chiêu Hiền, quê ở Hồ nam, ban đầu cư ngụ ở Lộc uyển, về sau không ở cố định một nơi nào, chỉ tùy duyên tiếp người.

Có lần Sư dạy chúng: “Nếu ta một mực nêu cao tông giáo thì cỏ trong pháp đường mọc đến một trượng. Bất đắc dĩ ta nói với các ông, cùng khắp mười phương thế giới đều là mắt của Sa-môn, cùng khắp mười phương thế giới đều là toàn thân Sa-môn, cùng khắp mười phương thế giới đều là quang minh của chính mình, cùng khắp mười phương thế giới đều nằm trong quang minh của chính mình, cùng khắp mười phương thế giới không ai chẳng phải là chính mình. Ta thường nói với các ông, chư Phật trong ba đời, chúng sinh trong mười phương pháp giới là ánh sáng Ma-ha Bát-nhã. Lúc ánh sáng chưa phát, các ông nường tựa

ở đâu? Lúc ánh sáng chưa phát, chẳng có tâm hơi Phật và chúng sinh, thì chỗ nào có núi sông quốc độ?

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là mắt của Sa-môn?

Sư đáp:

Thường thường ra chẳng được, thành Phật thành Tổ ra chẳng được, lục đạo luân hồi ra chẳng được.

Tăng hỏi:

- Chẳng rõ cái gì ra không được?

Sư đáp:

- Ban ngày thấy mặt trời, ban đêm thấy sao.

- Con không hiểu.

- Núi Diệu cao đã xanh càng xanh.

- Thế nào là Phật?

- Là sắc thân của chúng sinh!

- Hằng sa chư Phật thể đều đồng, vì sao có muôn ngàn danh tự?

- Từ nhãn căn mà về nguồn thì gọi là Văn-thù, từ nhĩ căn mà về nguồn thì gọi là Quán Âm, từ tâm mà về nguồn thì gọi là Phổ Hiền. Văn-thù là Diệu Quán Sát Trí của Phật, Quán Âm là Vô Duyên Đại Từ của Phật, Phổ Hiền là Vô Vi Diệu Hạnh của Phật. Ba vị Thánh ấy là Diệu dụng của Phật. Phật là Chân thể của ba vị Thánh ấy. Dụng thì có hà sa giả danh, thể thì gọi chung là Bạt-già-phạm.

Tăng hỏi:

Sắc tức là không, không tức là sắc, lý này thế nào?

Sư đọc bài kệ:

Ngại chẳng do tường vách

Thông chẳng do hư không

Ai hiểu được như vậy

Tâm sắc xưa nay đồng.

- Thế nào là Phật tánh?

Sư đọc kệ:

Phật tánh hiển bày rõ

Hữu tình chấp thấy kho

Biết chúng sinh vô ngã

Mặt ta mặt Phật đồng!

- Thế nào là nơi thượng nhân đi?

- Như con mắt người chết!

- Lúc thượng nhân thấy thì thế nào?

- Như tay người chết!
- Từ vô lượng kiếp đến nay vì sao Thiện Tài dạo chơi không khắp trong thân thể Phổ Hiền?

- Từ vô lượng kiếp đến nay ông từng đi khắp chưa?

Tăng hỏi:

- Thế nào là thân của Phổ Hiền?

Sư đáp:

- Trong điện Hàm Nguyên lại đi hỏi Trường An!

- Tăng chết đi về đâu?

Sư đọc kệ:

*Chẳng biết thể Kim Cang
Lại cho là duyên sinh
Mười phương chân tịch diệt
Ai ở lại ai đi?*

Nhân lúc Lâm Tế dạy đồ chúng có câu: “Trong cục thịt đỏ có Vô vị chân nhân”, Sư làm bài kệ:

*Muôn pháp nhất như chẳng lựa chọn
Đã thế ai lựa ai chẳng lựa
Sinh tử ngày này vốn Bồ-đề
Chư Phật ba đời đồng mắt ấy.*

Ngưỡng Sơn hỏi Sư:

- Ai nấy đều có việc này, chỉ là dùng không được!

Sư đáp:

- Nếu hợp thì xin ông cứ dùng.

- Dùng như thế nào?

Sư liền đập Ngưỡng Sơn té nhào. Ngưỡng Sơn nói:

- Xuống tay mạnh như cọp.

Vì vậy người đời thường gọi Sư là Sầm Đại Trùng.

6. Thiên sư Động Sơn Lương Giới: (Ất Sửu)

Sư họ Du, quê ở Cối Kê, xuất gia từ thuở nhỏ. Năm hai mươi mốt tuổi Sư qua Tung nhạc thọ Cụ túc. Sau đến yết kiến Thiên sư Nam Tuyền, hôm ấy gặp ngày kỵ của Mã tổ, Nam Tuyền thiết trai cúng và hỏi đại chúng:

- Hôm nay thiết trai cúng, không biết Mã tổ có về không?

Cả chúng không đáp được, Sư liền bước ra thưa:

- Đợi đến lúc có bạn tất về!

Nam Tuyền nghe vậy liền khen:

- Ông này tuy là hậu sinh nhưng rất dễ giữa gọt.

Sư thưa:

Hòa thượng chớ ép người tốt thành kẻ xấu!

Kế tiếp, Sư đến tham vấn Quy Sơn, Sư thưa:

- Được nghe Quốc sư Tuệ Trung nói “

Vô tình thuyết pháp” Lương Giới chưa rõ chỗ vi diệu ấy thế nào?

Quy Sơn nói:

Việc đó ta cũng có, chỉ hiềm khó gặp được người ấy thôi!

Sư thưa:

Xin Hòa thượng nói cho!

Quy Sơn nói:

Miệng do cha mẹ sinh, ta không dám nói.

Sư thưa:

Có ai cùng thời với Hòa thượng một đạo không?

- Cách đây vài động đá có đạo nhân Vân Nham, nếu lặn lội được đến đó, tất là người mà ông kính trọng.

Sư đến yết kiến Vân Nham, và hỏi:

- Vô tình thuyết pháp người nào được nghe?

Vân Nham đáp:

Vô tình thuyết pháp, vô tình được nghe!

Sư hỏi:

Hòa thượng nghe được không?

- Nếu ta nghe được thì ông sẽ không được nghe ta thuyết pháp.

- Vì sao Lương Giới không nghe được Hòa thượng thuyết pháp?

- Vì ta nói mà ông còn không nghe được, huống gì là vô tình nói!

Sư liền thuật kệ rằng:

Cũng thật kỳ! Cũng thật kỳ!

Vô tình thuyết pháp chẳng nghĩ nghĩ

Nếu dùng tai nghe trọn chẳng hiểu

Phải lấy mắt nghe mới liễu tri.

Sư từ già Vân Nham đi, Vân Nham hỏi:

- Ông đi đâu?

- Tuy rời Hòa thượng nhưng chưa định chỗ ở!

- Bao giờ trở lại?

- Đợi Hòa thượng có chỗ ở thì trở lại.

- Lần đi này khó gặp lại nhau.

- Khó được chẳng gặp nhau!

Sư lại hỏi Vân Nham:

- Sau khi Hòa thượng trăm tuổi, chợt có người hỏi “Tả được hình dáng của thầy không?” thì con trả lời thế nào?

Vân Nham nói:

Hãy nói với y rằng, chính là cái này!

Sư im lặng giây lâu, Vân Nham nói:

- Thừa đương việc lớn này cần phải suy xét kỹ!

Sư vẫn còn hồ nghi.

Sau, nhân lúc lợi qua suốt, nhìn thấy bóng mình, Sư hốt nhiên đại ngộ ý chỉ đó. Sư liền làm bài kệ:

*Rất kỳ tìm nơi khác
Xa xăm lạ với ta
Nay ta đi một mình
Nơi nơi đều gặp hấn
Hấn nay chính là ta
Ta nay chẳng phải hấn
Cần phải hiểu như thế
Mới khế hợp như như.*

Cuối năm Đại Trung, Sư trụ ở núi Tân Phong tiếp nhận đồ chúng về sau giáo hóa thịnh hành ở Động Sơn thuộc Cao An.

Một hôm nhân ngày kỵ của Vân Nham, Sư thiết trai cúng. Có vị tăng hỏi:

- Hòa thượng được Nam Tuyên chỉ cho manh mối, vì sao thiết trai cúng kỵ Vân Nham?

Sư đáp: Ta không trọng đạo đức của Tiên Sư, cũng chẳng vì Phật pháp mà chỉ trọng người đã có lời khai mở cho ta.

Tăng hỏi: Hòa thượng có thân thiết với Tiên Sư không?

- Nửa thân nửa không!

- Vì sao không thân thiết hết?

- Nếu thân thiết hết tức là cô phụ Tiên Sư.

Sư nói với đồ chúng: “Người hưởng thượng biết có Phật mới có phần nói năng”. Bấy giờ có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là người hưởng thượng Phật?

- Phi thường.

Sư hỏi vị tăng?

- Trong thế gian cái gì là khổ nhất?

Tăng đáp:

Địa ngục khổ nhất.

Sư nói:

Không đúng. Kẻ mặc ca-sa nhưng không tỏ việc lớn là khổ nhất.

Sư hỏi tăng:

Ông tên gì?

Tăng đáp:

Là con

- Cái gì là ông chủ của ông?

- Ngay lúc đối đáp!

Sư than:

Khổ thay! Khổ thay! Người thời nay đều như thế cả, đó chỉ là nhận “trước lừa sau ngựa” rồi cho chính mình. Phật pháp thẳng trâm đều từ đó mà ra. Biện được ông chủ trong đám khách còn chưa biết thì làm sao nói được ông chủ trong ông chủ.

Tăng hỏi:

Thế nào là ông chủ trong ông chủ?

Sư nói:

Xà-lê tự nói xem!

- Con nói được tức là ông chủ trong khách, thế nào là ông chủ trong ông chủ?

- Nói thế nào cũng dễ, nói tiếp mới thật khó!

Sư sắp thị tịch, nói với đồ chúng:

- Ta có tiếng khen ở đời, ai trừ giúp ta?

Cả chúng đều không đáp, lúc đó có ông Sa-di thưa:

- Xin Hòa thượng cho pháp hiệu.

Sư nói:

Tiếng khen của ta đã hết.

- Hòa thượng có bệnh, thế có cái chẳng bệnh không?

- Có.

- Cái không bệnh thấy Hòa thượng không?

- Lão tăng có thấy hấn ta.

- Hòa thượng làm sao thấy được gã?

- Lúc lão tăng thấy hấn ta thì chẳng thấy có bệnh.

Sư nói tiếp:

Lìa cái hình hài rở chảy này, ông sẽ gặp ta ở đâu?

Chúng Tăng không đáp được. Sư bèn sai cạo tóc, đắp y, bảo chúng đánh chuông rồi an nhiên thị tịch. Đồ chúng có hơn ngàn người, kêu gào than khóc. Sư chợt mở mắt bảo:

- Phàm người xuất gia, tâm chẳng dính mắc vào vật mới là chân chánh tu hành. Sống thì lao nhọc, chết thì thương xót nào có ích gì!

Nói rồi, Sư gọi chủ sự đến bảo sắm sửa một bữa trai phạn ngu si, nhằm tránh đồ chúng quyến luyến vì tình. Đến ngày thứ bảy trai phạn mới sắm xong, Sư cùng chúng thọ trai. Thọ xong, Sư nói với đồ chúng: “Nhà tăng vô sự, đến lúc ta phải đi, chớ làm âm ỉ”.

Hôm sau, tắm rửa xong, Sư an nhiên thị tịch, thọ sáu mươi ba tuổi, tăng lạp bốn mươi hai hạ. Vua ban Sư thụy là Ngô Bản Thiên Sư, tháp hiệu là Tịch Giác.

7. Truyện về Quốc sư Ngô Đạt Tri Huyền:

Tháng năm năm này, vua xa giá đến chùa An Quốc, ban tặng cho Quốc sư Tri Huyền một bảo tòa cao hai trượng bằng trầm hương, lại dùng vàng sợi thêu long, phụng, hoa, cỏ. Trước bảo tòa còn có chiếc kỷ dùng để kinh, bốn góc bàn đều có hình nhân thần, điều thần, bàn cao đến vài thước. Bảo tòa có thêm, bậc để bước lên, phía trước đều được thêu hoa gấm, trông lộng lẫy vô cùng. Hồi ấy, mỗi ngày trong cung thiết trai cúng dường cả vạn tăng, vua đích thân tụng kinh.

Tể tướng Tiêu Phỏng can vua, ông cho rằng phép tắc của Thiên Trúc hủy diệt tình thân, không phải là điều mà vua nên theo. Chử nghĩa bằng tiếng Phạm, ngôn ngữ bằng tiếng Phạm, đâu bằng việc thưởng phạt công minh nhằm tẩy trừ tai ương, cầu phước cho xã tắc. Huống gì Phật là điều phải tự ngộ, đâu thể mong cầu mà được.

Ý Tông tuy không nghe nhưng rất khen ngợi những lời lẽ ấy.

Pháp sư họ Trần, người đời gọi ngài là Trần Bồ-tát. Ngài tinh thông tam học, danh chấn một thời. Về cuộc đời ngài có rất nhiều chuyện lạ.

Khi Hy Tông chạy lánh giặc, xa giá tới Thành đô, liền sai Ngự Sử Quách Tuân đem thư có ấn tín Ngọc tử đến mời. Vua vốn rất trọng vọng ngài, nay lại được gặp, vua hết sức vui mừng, liền ban cho ngài hiệu là Ngô Đạt Quốc sư và giữ lại trong cung rất lâu. Sau ngài từ giã vua về lại Cửu lũng. Đêm ấy, từ trong đình ngài chợt thấy Bồ-tát hiện trong thất, xoa đầu ngài, giảng diệu pháp an ủi ngài. Giảng xong Bồ-tát biến mất, bỗng một hạt châu chui vào đùi trái của ngài, hạt châu lớn dần, đau đến thấu xương, phía trên có hai chữ “Triều Thố”. Ngài biết đó là oan trái của đời trước, liền nằm nghiêng bên phải an nhiên thị tịch. Ngài trước thuật đến hơn hai mươi vạn lời, tác phẩm hiện lưu hành ở đời. Đệ tử của ngài là Tăng Triệt, đệ tử Tăng Triệt là Giác Huy, đều là những người nổi danh trong thiên hạ, ba đời đều làm Tăng thống.

Có thuyết nói, tiền thân của ngài là Pháp sư Tri Huyền ở núi Tam Học thuộc Hán Xuyên. Tri Huyền từng giảng phẩm Thập Địa chấn động

đến nổi đất biến thành màu vàng, đến khi mệnh chung cũng có bệnh như vậy. Tri Huyền và Tri Huyền đều là những cao tăng tuyệt thế.

8. Bài tựa trong Thiền Nguyên Thuyên của Tướng quốc Bùi Hưu (Bính Dần)

Hàm Thông thứ mười một, Tướng quốc Bùi Hưu mất. Hưu tự là Công Mỹ, người ở Mạnh châu. Thuở nhỏ ông cùng ở ẩn với anh em, ban ngày thì giảng kinh, ban đêm thì viết sách, cả năm chẳng ra khỏi cửa. Hồi ấy có thợ săn tặng rất nhiều thứ thịt, ông không ăn và nói: “Ăn rau vẫn còn không đủ, ngày nay ăn thịt, ngày sau làm sao được làm người”. Ông đậu Tiến sĩ, nhiều lần làm quan trong cung, từng ra làm thứ sử Hồng Châu. Một hôm, ông vào chùa Long hưng, nhìn thấy bức vẽ trên tường, ông than: “Nghĩ dung còn đây, cao tăng ở đâu?”. Lúc ấy có vài vị Tăng trả lời nhưng không hợp ý lắm, ông hỏi:

- Ở đây không có Thiền giả chẳng?

Tăng đáp:

- Gần đây có vị Tăng mới đến trông rất giống Thiền giả.

Bùi Hưu liền mời đến, vị Tăng ấy chính là Thiền sư Hoàng Bá. Lúc này Hoàng Bá chưa có tiếng tăm. Bùi Hưu liền đến trước vái chào. Hoàng Bá lớn tiếng gọi:

- Bùi Hưu!

Bùi Hưu liền đáp:

Dạ!

Hoàng Bá hỏi:

Ở đâu?

Bùi Hưu ngay đó hốt nhiên khế hội. Hưu liền thỉnh sư về phủ của mình, sớm chiều thưa hỏi. Sau đó ông đổi ra ở tại Uyển lăng, ông cũng thỉnh Hoàng Bá cùng ra đó ở. Từ đó ông càng thâm hiểu nguồn pháp. Ông lại rất có đạo duyên với Thiền sư Khuê Phong Tông Mật.

Trong năm Đại Trung ông chấp chánh được sáu năm, sau đó làm tiết độ sứ các trấn, thọ bảy mươi bốn tuổi. Ông rất giỏi văn chương, viết sách chính văn đều thuộc bậc tuyệt thế, học vấn hơn người. Xử sự rất ngay thẳng, tiến thoái rất ung dung. Tuyên Thông từng khen: “Hưu đích thực là bậc danh Nho, chưa từng uống rượu ăn thịt”.

Ông trừ thuật đến vài vạn lời nói về Phật giáo. Trong đó có bài tựa trong Khuê Phong Thiền Nguyên Thuyên. Bài tựa nói: “Thiền sư gom tập Thiền Nguyên Chư Thuyên làm thành Thiền Tạng và sắp xếp rất có thứ lớp. Từ khi Như Lai ra đời tùy cơ lập giáo, Bồ-tát thị hiện tùy

bệnh cho thuốc đến nay, chưa có ai làm công việc ấy như Sư. Thế nên giáo pháp trong một thời đều khai mở ba môn cạn sâu, nhất tâm chân như diễn xướng biệt pháp của tánh tướng. Mã Minh, Long Thọ đều hằng dương giáo pháp của Thế Tôn, từ đó mà có dị tông tánh không, Tuệ Năng, Thần Tú đều truyền tâm ấn của Đạt-ma, từ đó có sự khác nhau giữa đốn tiệm. Thiên Thai chuyên về Tam quán, Ngưu Đầu chẳng một pháp cho người, Giang Tây bày thể toàn chân, Hà Trạch chỉ thẳng thấy biết. Ngoài ra có không phá nhau, chân vọng chống nhau, đoạt theo thế nghịch, lấy theo thế thuận, chỉ theo kiểu mật, diễn theo kiểu hiển. Vì vậy Tây Vực Trung Quốc có rất nhiều tông phái, do có ngàn muôn thứ bệnh nên có ngàn muôn thứ thuốc, ứng cơ tiếp vật hoàn toàn không đồng. Dù đều là cửa ngõ để chứng ngộ, đều là con đường của chánh chân, nhưng môn hạ của các tông người thông thì ít, người kẹt thì nhiều. Bởi vậy trong mấy mươi năm lại đây, Pháp sư càng nông cạn, đó là do sự truyền thừa quá hạn hẹp, mỗi người tự mở mang, lấy kinh luận làm công cụ để kích bác lẫn nhau. Tình tùy theo cái hạn hẹp mà đổi thay, pháp tùy theo nhân ngã mà cao thấp, thị phi rồi bởi không thể phân biệt. Vậy thì xưa kia chư Phật Thế Tôn, các hàng Bồ-tát, giáo tông khắp nơi ứng cơ thuyết pháp để người đời sau kích bác lẫn nhau, làm tăng trưởng bệnh phiền não, thì có lợi ích gì?

Thiền sư Khuê Phong từ lâu đã than: “Ở trong lúc này ta không thể im lặng, vì vậy ta đem ba loại giáo nghĩa của Như Lai phối hợp với ba pháp môn của Thiền tông, trộn bình, mâm, trâm, xuyên thành một thứ, hòa tồ, lạc, đề hồ thành một vị. Nắm đầu mối mà diễn bày thì người người đều quy thuận, dựa then chốt mà xiển dương thì ai nấy cùng theo. Nhưng vẫn sợ người học khó hiểu thấu, nên tôi lại chỉ thẳng ngọn ngành của nguồn tông, hòa hợp của chân vọng, ẩn hiển của tánh không, sự khác nhau giữa pháp nghĩa, điểm dị đồng của đốn tiệm, sự tương quan giữa giá biểu, sự cạn sâu giữa quyền thật, điểm đúng sai giữa rộng hẹp. Mỗi mỗi đều nói rõ cho họ nghe, chỉ rõ cho họ thấy. Tôi thống thiết mà chỉ bày, ôn tồn mà dẫn dụ, khuyên họ uống sữa thơm, dụ họ uống thuốc tốt. Sợ tánh mạng họ phải chết yếu, nên thường giữ gìn, nhớ đến nước lửa phừng phừng nên quét trừ sạch cả. Ngọn đuốc lớn không thể xóa tan bóng tối của đêm dài, đấng cha lành không thể bảo bọc đứa con của đời sau. Còn như thầy ta thì nâng Phật nhật mà uyển chuyển chiếu soi, tắm tối tận trừ; thuận Phật tâm mà tuyên thẳng đại Bi, tận kiếp lợi lạc. Vậy thì, Thế Tôn là người xiển giáo, thầy ta là người hiểu giáo, gốc ngọn phù hợp, xa gần cùng soi. Có thể nói, ngài đã thực hành trọn vẹn toàn

bộ giáo pháp trong một đời của Thế Tôn.

Có người hỏi: Sau khi Như Lai diệt độ, chưa từng có ai thông suốt toàn bộ giáo lý, nay đột nhiên trái với tông thú chẳng giữ giáo nghĩa, bỏ nơi trọng yếu chẳng hề lưu tâm, e rằng chẳng phải là trái với đạo Bí mật tàng chẳng?

Đáp: Trong hội Pháp hoa, Niết-bàn, Phật cũng đã dung hòa thành một vị. Chỉ vì người mê mờ không thấu hiểu, nên trong kinh Niết-bàn ghi: “Bồ-tát Ca-diếp nói: “Chư Phật nói rõ nhưng không giấu kín”. Đức Thế Tôn ngợi khen rằng: “Lời của Như Lai khai mở rõ ràng, thanh tịnh không tỳ vết, người ngu không hiểu bảo đó là Bí tàng, kẻ trí thấu đạt thì không gọi đó là ẩn tàng”. Đó là bằng chứng.

Vì vậy vương đạo mà thịnh thì ngoại hộ không cầu chấp mà tồn tại ở Di tịch. Phật đạo mà xương minh thì các pháp cùng hiện hữu mà đề phòng ngoại ma, không nên cố chấp rồi lại buông tay. Than ôi! Hậu học cần phải tin nơi Phật, không nên tin ở người, cần Pháp thân chứng nơi gốc pháp, không nên thỏa mãn nơi ngọn nghiệp. Được như vậy mới có thể báo đáp được ân đức sâu dày của Khuê Phong.

9. Vua hạ chiếu nghênh đón xá-lợi của Phật: (Quý Ty)

Tháng ba, năm Hàm Thông thứ mười bốn, vua hạ chiếu cho Lương Nhai tặng nghênh đón xá-lợi của Phật tại chùa Phụng Tường Pháp Môn.

Bấy giờ vua dùng vàng bạc làm bảo tháp, dùng châu ngọc làm trướng, xung quanh dùng lông chim Duật trang sức. Tháp nhỏ gần một trượng, tháp lớn thì lớn gấp đôi. Lại dùng gỗ Đàn làm mái che, làm trụ. Thêm bực, đường đi đều trải vàng ròng. Mỗi một bảo tháp có mất trăm người khiêng, phía trước phía sau đều có xe hương tháp tùng. Lại có chuỗi ngọc, đàn cầm, đàn sắt, bảo cái, tràng phan, cờ xí muôn màu muôn vẻ, tiền lạc chi phí không biết bao nhiêu mà kể. Vua gia hạn đến ngày tám tháng tư xá-lợi phải đến được kinh sư. Hai bên đường người, cờ rợp trời. Thiên tử ngự ở lầu An phước để nghinh thỉnh, rồi dẫn vào Đạo tràng trong cung. Ba ngày sau vua cho nghinh đến các chùa trong kinh thành. Vua hạ chiếu ban tặng vàng lụa cho Tăng của Lương nhai. Già trẻ trong kinh thành cùng những người thấy việc lợi ích này mà phát tâm phụng thờ đều được vua hậu thưởng. Những nơi xá-lợi đi qua đều đắp đất làm đàn tràng, quỳ đón dọc đường, quang cảnh thật náo nhiệt. Cao Tăng trong kinh thành đều nhóm họp ở đường chính, dựng Đàn tràng, lập bảo đài, nấu bạc làm ao, kết vàng ngọc làm cây, triệu tập

Tăng chúng, bày thiết voi tượng, đánh trống, thổi kèn suốt mấy ngày đêm. Vua hạ chiếu nói: “Trẫm vì đức mỏng, kế thừa nghiệp lớn đã mười bốn năm, gặp phải giặc cướp nổi lên, vua tôi chưa từng ngồi nghỉ. Trẫm lo lắng vương nghiệp, yêu mến sinh linh, liền tôn sùng Thích giáo, kính ngưỡng huyền môn, nghênh thỉnh chân nhân, cầu phước cho trăm họ. Nay có người vây dân nơi đồng hoang, nhóm chúng nơi núi thẳm, cứ nghĩ đến lao tù thì trẫm không sao chớp mắt. Ôi! Lê dân của ta bị vây hãm nơi cực hình, thời tiết ngày một nóng bức, tù tội ngày một nhiều, từ kinh kỳ đến các châu, huyện, phủ trong cả nước, tội nhân đều được giảm tội chết xuống một bậc”.

Tháng tư năm sau, vua hạ chiếu đưa xá-lợi về lại chùa Phụng Tường. Già trẻ trong kinh đô, sắm sửa trai nghinh khóc than đưa tiễn.

Trong Tân Sử Tán ghi: Con người bị mê hoặc bởi việc quái dị thật quá lắm! Như Phật chỉ là một người khô khan bên Tây Vực mà thôi. Ông ấy đầu tròn, chân đất, xin ăn để tự nuôi bản thân, hủy hoại thân mình, sống sâu trong rừng rú, toàn làm việc khổ, vốn chẳng cần gì ở người khác, thế rồi học trò dần dần đông lên. Thế nhưng ông ta nói năng hoang đường, làm đủ trò mê hoặc. Nếu khéo suy xét thì thấy toàn là những việc không đúng sự thật. Đem việc quỷ thần sống chết xâu thành một chuỗi, điều ấy khỏi phải nghi ngờ. Ông ấy bóp chặt ham muốn, vất bỏ thân người, đại khái cũng gần giống như Hoàng Lão. Đến đời Hán năm thứ mười bốn, sách Phật tràn vào Trung Quốc, đánh vào tình cảm con người, lấy những điều mắt không thấy tai không nghe làm việc lạ, cho cái không thể biết là thần, lấy những điều vượt ngoài lý lẽ muôn loài làm điều đáng sợ, lấy cái biến hóa khôn cùng làm Thánh. Lại cho rằng do sinh mà có chết, chết rồi sinh lại, vẫn xoay trong báo ứng, lấy việc qua lại ấy làm điều không nhất định. Nhưng lại lấy việc gần hèn xa giàu làm vui, lại chuyển ngữ sai lầm thật không kể hết. Những kẻ dối lừa của Hoa Hạ lại xem thường Trang Chu, liệt vào loại chủ thuyết cấm giặc, đề cao Phật giáo, nhiều lần mạnh dạn dâng biểu tâng bốc cho rằng không gì cao hơn thuyết nhà Phật. Họ hiệp sức khoa trương, đề cao Phật giáo. Thế là từ Thiên tử đến thứ dân, ai nấy đều bị kích động rồi phụng thờ đạo Phật. Đầu tiên, Tể tướng Vương Tấn dựa vào duyên nghiệp phò tá Đại Tông, bắt đầu dựng đạo tràng trong cung cấm, ngày đêm tụng kinh hy vọng cầu phước cho giặc. Nhưng Ông ấy mở hội Vu-lan, đem của cải của tổ tông cúng hết cho chùa tháp, rốt cuộc bị quần thần cười chê. Đến đời Hiến Tông, lại thỉnh xương Phật từ Phụng Tường vào cung, Hàn Dũ chỉ trích, vua nổi giận đầy Hàn Dũ. Tới

lúc sắp chết, Hiến Tông cũng chẳng được cái hạnh phúc của mệnh trời, trái lại còn bị họa, e rằng có ích lợi chăng?

Ý Tông cũng không sáng suốt, đi theo vết xe cũ, chẳng biết lẽ hưng suy, chẳng hay điều phải nường gá, lấy cái chết tự thể không hề hối hận, khóc lóc mà báỉ phục. Tuy ông ấy thờ tổ tông, tiên hoàng nhưng chẳng hề cúng quảy, tự chôn vùi cái cao quý của quân vương, hạ mình ngang hàng bọn người Hồ. Nghiệp lớn của mấy ngàn năm hoang phế bởi ông ta. Than ôi! Vận suy phước bạc! Trời đã định đoạt thế rồi! Không đây ba tháng thì Ý Tông mất, đức nhà Đường không phấn phát tất có nguyên do.

Luận rằng: Thật quá đáng, Tống Cảnh Văn Công bài xích Tiên Sư ta quá lắm! Tôi nhiều lần muốn chỉnh sửa ngay sự nhầm lẫn của ông ấy, đến khi nhận được bộ luận ghi lại những lời đối đáp giữa Đại Điền và Thoái Chi do Lý Tiết viết lời tựa, thì những gì tôi muốn nói, bộ luận ấy đã nêu hết rồi, vì vậy tôi không nói nữa.

Vả lại, Hiến Tông, Ý Tông thật ra cũng tôn thờ thái quá. Đến như Cao Tổ sa thải Tam giáo, hạ chiếu thay đổi ngôi thứ; Vũ Tông tàn diệt Phật giáo, chưa đầy mấy năm họa lớn như vậy, lẽ đâu không đáng sợ? Thế nhưng chân thân Phật là gốc lớn của Thánh phàm, ngang bằng với thái hư, diệu dụng không khác mọi người, không làm nhưng chẳng điều gì chẳng làm, không tồn tại nhưng không đâu là chẳng có. Như vậy thì ngoài tâm thấy Phật lại phụng thờ thái quá, đúng là không có chánh kiến. Mê lầm gốc lớn nên mới hủy hoại, tức là tự hủy hoại mình. Cảnh Văn chê họ phụng Phật nhưng lại không đề cập đến cái lỗi chê người của mình, vậy thì tâm sử là bộ sử hay chăng?

10. Hy Tông: (Giáp Ngọ)

Hy Tông tên là Nghiễm, con thứ năm của Ý Tông, lên ngôi năm mười một tuổi, mất năm hai mươi bảy tuổi, an táng ở Tĩnh lăng. Ông lên ngôi đổi hiệu là Càn Phù.

Năm này, có người dân ở Tĩnh châu sinh một đứa con hai đầu bốn tay. Bộc tặc (rợ Bộc) Ngọc Tiên Chi nhóm binh ở Trường Viên.

Ất Mùi: Có chiếu cử Cao Biền phá giặc. Ngọc Tiên Chi nổi loạn. Hoàng Sào dấy binh hưởng ứng.

Kỷ Hợi: Tháng mười một, có hai mặt trời cùng xuất hiện.

Canh Tý: Đổi niên hiệu là Quảng Minh. Điền Linh Tư phò Thiên tử chạy sang phía Tây. Giặc Hoàng Sào vào Trường An, dựng nước hiệu là Đại Tề, niên hiệu là Kim Thống. Lý Khắc Dụng chạy sang Đạt

Đán.

Tân Sửu: Đối niên hiệu là Trung Hòa. Hoàng thượng từ Hưng Nguyên vào đất Thục. Thác Bạt Tư Cung đem binh lính nạn, nắm quyền tiết độ sứ. Tây Hạ có từ đây.

11. Thiên sư Giáp Sơn Thiện Hội:

Sư họ Liêu, người ở Hiện đình, Quảng châu. Năm chín tuổi, Sư xuất gia ở Long nha, Đàm châu, sau thọ đại giới. Sư qua Giảng Lăng nghe giảng Kinh Luật Luận, chuyên nguyên cứu Tam học, nỗ lực tham thiền.

Hồi ấy, Sư ở tại Kinh Khẩu. Đêm nọ, Đạo Ngô chống tích đến thăm, gặp lúc Sư thượng đường, có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là Pháp thân?

Sư đáp:

- Pháp thân không tướng.
- Thế nào là pháp nhãn?
- Pháp nhãn không tỳ vết.

Sư nói tiếp:

- Trước mắt không có pháp, ý ở ngay trước mắt, chẳng phải pháp trước mắt, tai mắt chẳng nghe thấy.

Đạo Ngô nghe vậy phá lên cười. Sư liền sinh nghi hỏi:

- Thầy cười cái gì?

Đạo Ngô đáp:

- Hòa thượng là bậc tuyệt luân xuất chúng nhưng chưa có người chỉ dạy. Nên qua tham học với Hòa thượng Thuyền Tử ở huyện Hòa đình đi.

Sư hỏi:

- Liệu có kết quả gì không?

Đạo Ngô đáp:

- Ông ấy trên chảng có miếng ngói che đầu, dưới chảng có tắc đất cắm dùi.

Sư nghe vậy liền thay đổi y áo đến thẳng Hòa Đình. Gặp ngay lúc Thuyền Tử võ thiền sàng đứng dậy đi ra. Hai thầy trò gặp nhau, đạo duyên khế hợp. Sư ẩn tu nơi thâm sơn, cắt đứt muôn duyên nhưng người học vẫn đua nhau tìm đến. Trong thảo am của Sư, Tăng chúng nhiều vô kể, sớm chiều tham học.

Đường Hàm thông thứ mười một, Tăng chúng chọn đất Giáp sơn và nơi này trở thành thiền viện. Sư thượng đường dạy chúng:

- Từ khi có Tổ đến nay, người ta thường hiểu lầm cứ thế truyền trao mãi đến bây giờ. Họ cho những lời của Phật tổ là ông thầy mẫu mực của con người, thành thử họ trở thành kẻ cuồng, người vô trí. Họ chỉ nêu bày cho các ông rằng: Không pháp vốn là đạo, đạo không có một pháp, không có Phật để thành, không có đạo để chứng đắc, không có pháp để xả bỏ. Nên nói: Trước mắt không có pháp, ý ở ngay trước mắt. Họ không phải là pháp trước mắt, nếu nhắm vào Phật tổ mà học thì người này chưa có chánh nhãn. Những thứ đó đều là pháp sở y, không được tự tại, vốn chỉ có sinh tử mênh mang, thức tánh không có phần tự do. Đi ngàn dặm, muôn dặm tìm Thiệtri thức, cần phải có chánh nhãn mới mong vĩnh viễn thoát khỏi cái thấy sai lầm, quyết định nắm lấy sinh tử trước mắt là thật có hay không thật có. Nếu có người quyết định được, cho phép ông xuất đầu lộ diện. Kẻ thượng căn ngay dưới lời nói đều thấu tỏ đạo. Kẻ trung căn hạ căn chạy lảng xăng như sóng gợn, tại sao không ngay nơi sinh tử mà định đoạt lấy, lại nghi rằng Phật, Tổ sẽ thay thế việc sinh tử cho ông. Người có trí sẽ chê cười ông.

Hãy nghe kệ:

*Nhọc nắm pháp sinh tử
Nhắm bên Phật tìm cầu
Trước mắt mê chánh lý
Bối lửa tìm bọt biển.*

Có vị Tăng hỏi:

- Trước đây Hòa thượng lập ra ý Tổ, ý giáo. Bây giờ tại sao bảo rằng không có?

Sư đáp:

- Ba năm chẳng ăn cơm

Trước mắt không người đối.

- Đã không người đối, sao con chẳng tỏ ngộ?

- Chỉ vì mê ngộ đuổi Xà lê.

Sư đọc bài tụng:

*Rõ ràng không ngộ pháp
Ngộ pháp là kẻ mê
Đuổi thẳng hai chân ngủ
Không ngộ cũng không chân.*

Tăng hỏi:

- Thế nào là cảnh Giáp sơn?

Sư đáp:

- Vượn nọ ôm con về núi thẳm

Chim ngậm hoa rơi trước non xanh.

Sư lại đóng thất ròng rã mười hai năm. Ngày bảy tháng mười một, niên hiệu Trung Hòa năm đầu, Sư gọi chủ sự đến và nói:

- Ta cùng Tăng chúng nói năng trong nhiều năm, diệu chỉ Phật pháp các ông phải tự biết lấy. Thân huyễn của ta đến lúc phải đi, các ông phải khéo giữ gìn mình như lúc ta còn sống, chớ có vọng động như người thế gian sinh tâm buồn bã.

Nói xong, ngay đêm ấy Sư an nhiên thị tịch. Ngày hai mươi chín, đồ chúng dựng tháp Sư tại núi này. Sư thọ bảy mươi bảy tuổi, tăng lạp năm mươi bảy hạ. Vua sắc phong Sư thụy là Truyền Minh Đại Sư, tháp hiệu là Vĩnh Tế.

Nhâm Dần: Tháng tám, phòng ngự sứ của giặc Hoàng Sào là Chu Ôn đến hàng, vua cho ông tên là Toàn Trung.

Quý Mão: Tháng tư, bọn Lý Khắc Dụng đánh nhau với giặc Hoàng Sào ở Vị kiều. Dụng thắng trận đem binh về kinh đô.

Giáp Thìn: Tháng bảy, Lý Sư Duyệt vây giặc Hoàng Sào ở Lang hổ cốc. Cháu ngoại của Sào là Lâm Ngôn chém đầu Hoàng sào đem binh quy hàng.

Ất Ty: Tháng ba, niên hiệu Quang Khải, vua trở về kinh sư. Tháng mười hai, Trung Hoạn Điền Lệnh Tư đánh bại Vương Trọng Vinh, vua chạy sang Phụng Tường. Binh của Sa Đà vào kinh sư mặc sức đốt phá. Thế là binh biến nổi lên, thiên hạ đại loạn, chia năm xẻ bảy.

12. Thiên sư Nham Đầu Toàn Khoát: (Đinh Mùi)

Sư họ Kha, quê ở Tuyên châu, xuất gia từ nhỏ. Sư đến Trường An thọ Đại giới, đi khắp pháp hội học tập kinh luật. Sau Sư kết bạn với Tuyết Phong, Khâm Sơn cùng vân du khắp thiên lâm.

Đầu tiên, Sư đến tham học với Lâm Tế nhưng Lâm Tế đã quy tịch. Sư liền đến yết kiến Ngưỡng Sơn. Vừa vào đến cửa, Sư đưa tọa cụ lên thưa:

- Hòa thượng!

Ngưỡng Sơn toan dựng phất tử lên, thì Sư nói:

- Chẳng ngại lạnh tay.

Sau đó, Sư đến yết kiến Đức Sơn. Sư cầm tọa cụ lên thẳng pháp đường đứng nhìn. Đức Sơn hỏi:

- Làm gì?

Sư liền nạt. Đức Sơn nói:

- Lão Tăng có lỗi gì?

Sư nói:

- Hai lớp công án.

Nói xong, Sư xuống nhà tham thiền. Đức Sơn nói:

“Trông gã này hơi giống kẻ hành khước”.

Hôm sau, Sư đến chào hỏi, Đức Sơn hỏi Sư:

- Xà-lê học được ở đâu cái rỗng không ấy?

Sư đáp:

Toàn Khoát trọn chẳng dối mình.

Đức Sơn bảo:

Ngày sau không được cô phụ lão tăng.

Tuyết Phong làm Phạn đầu (Trưởng ban soạn trai) dưới pháp hội của Đức Sơn. Một hôm, bưng cơm lên trề, Đức Sơn ôm bát đến trước pháp đường. Tuyết Phong đang phơi khăn (khăn đập khi nấu cơm) thấy Đức Sơn lên liền nói:

- Cái gã này, chuông chưa rung, trống chưa đánh mà ôm bát đi đâu thế!

Đức Sơn nghe vậy liền trở về phương trượng. Tuyết Phong kể lại việc này với Sư, Sư nói:

- Rốt cuộc Đức Sơn chưa hiểu câu sau cùng!

Đức Sơn nghe vậy liền bảo Thị giả gọi Sư lên phương trượng. Đức Sơn hỏi:

- Ông không chấp nhận lão Tăng sao?

Sư liền thưa thâm ý của mình. Hôm sau, Đức Sơn thượng đường có vẻ khác ngày thường, Sư đến trước tăng đường vỗ tay cười vang nói:

- Rất mừng là ông già này hiểu được câu sau cùng. Về sau trong thiên hạ chẳng ai sánh kịp, tuy là như vậy nhưng chỉ được ba năm.

Quả nhiên ba năm sau Đức Sơn thị tịch.

Có vị Tăng hỏi:

- Khi buổi xưa chưa giảng thì thế nào?

Sư đáp:

Vườn sau lừa ăn cỏ.

Sư thượng đường bảo chúng:

“Ta từng nghiên ngẫm kinh Niết-bàn thấy có ba đoạn văn giống như Nạp tăng nói”.

Sư nói tiếp:

“Nghỉ! Nghỉ!”.

Có vị Tăng lễ bái thưa hỏi. Sư nói:

Kinh ghi: “Ý giáo của ta như ba chấm chữ Y (). Chấm thứ nhất

chấm ở phương Đông, điểm khai mắt chư Bồ-tát. Chấm thứ hai chấm ở phương Tây, điểm ngay mạng căn chư Bồ-tát. Chấm thứ ba chấm ở phương trên, điểm ngay đánh chư Bồ-tát. Đó là nghĩa của đoạn thứ nhất”.

Sư nói tiếp: “Ý giáo của ta như Ma-hê-thủ-la bửa chẻ khuôn mặt, nhắm con mắt giữa. Đó là nghĩa của đoạn thứ hai”. Sư lại nói: “Ý giáo của ta như đường hiểm đánh một tiếng trống, xa gần mà nghe thấy đều mất mạng. Đó là ý nghĩa của đoạn thứ ba”.

Khi ấy Thượng Tọa Tiểu Nham hỏi:

- Thế nào là trống trong đường hiểm?

Sư dùng hai tay chống gối cúi người nói:

- Hàn Tín lâm triều.

- Bụi trần mênh mông làm sao chỉ ra vua?

Sư đáp:

- Trong cái thanh la bằng đồng đựng đầy dầu.

- Thế nào là Đạo?

- Xé giày cỏ vứt xuống hồ.

Những người đến hỏi Phật, hỏi Pháp, hỏi Đạo, hỏi Thiền, Sư đều thở dài. Có lần Sư nói với chúng:

- Lúc lão Tăng đi sẽ rống một tiếng thật lớn.

Về sau, giặc ở Trung Nguyên nổi lên, tăng chúng đều đi lánh nạn, chỉ có mình Sư thần nhiên ở lại. Ngày nọ giặc tràn đến, chúng trách Sư vì không có gì cho chúng ăn. Bọn giặc dùng kích đâm Sư, thần sắc của Sư vẫn không thay đổi, Sư rống một tiếng thật lớn rồi thị tịch, thọ sáu mươi một tuổi. Về sau vua Đường truy tặng Sư thụy là Thanh Nghiêm Đại Sư. La Sơn là người kế thừa tông phong Sư, làm rạng danh trong đời.

Mậu Thân: Đối niên hiệu là Văn Đức. Tháng ba, vua mất.

13. Chiêu Tông: (Kỷ Dậu)

Chiêu Tông tên là Hoa, con thứ bảy của Ý Tông. Ông là một vị vua tài giỏi có chí khôi phục xã tắc. Nhưng bên ngoài giặc loạn nổi lên, bên trong thì không có hiền tài giúp sức, tuy ông là kẻ có trí có dũng nhưng cũng không làm gì được. Năm ba mươi tám tuổi bị bọn Chu Toàn Trung giết ở Long sàng, an táng ở Hòa lăng. Ông trị vì mười sáu năm, lên ngôi đối niên hiệu là Long Kỷ.

Canh Tuất: Đối niên hiệu là Đại Thuận. Từ đây trong thiên hạ có tất cả mười ba nơi xưng bá.

Lôi Thị nói:

Tây Tần Mậu Trinh: Mậu Trinh lấy niên hiệu là Tần Phụng Tường, trị vì ba mươi bảy năm.

Ngô Hành Mật: Dương Ngô chiếm Hoài nam gồm bốn đời chủ, trị vì bốn mươi sáu năm.

Ngô Việt Lưu: Tiến Hàng Ngô Việt gồm năm đời chủ, trị vì tám mươi bốn năm.

Yên Thủ Quang: Thủ Quang chiếm đất Yên trị vì mười chín năm.

Sở Ân: Mã Sở chiếm Hồ Nam gồm năm đời chủ, trị vì năm mươi bảy năm.

Thục Kiến: Vương Kiến chiếm Tiến Thục gồm hai đời chủ trị vì ba mươi lăm năm.

Kinh Quý Hưng: Quý Hưng chiếm Kinh Nam gồm năm đời chủ trị vì năm mươi bảy năm.

Mân Thẩm Tri: Vương Mân chiếm Phúc Kiến gồm năm đời chủ, trị vì năm mươi lăm năm.

Nam Hán Ân: Nam Hán chiếm Ân Quảng gồm năm đời chủ, trị vì sáu mươi bảy năm.

Thục Tri Tường: Tri Tường chiếm Hậu thục gồm hai đời chủ, trị vì bốn mươi một năm.

Nam Đường Thăng: Lý Đường chiếm Giang Nam gồm ba đời chủ, trị vì ba mươi chín năm.

Ân Diên Chánh: Diên Chánh lấy hiệu là Ân, chiếm Kiến châu, trị vì ba năm.

Đông Hán Mân: Đông Hán chiếm Sùng Nguyên gồm bốn đời chủ, trị vì hai mươi tám năm.

*Tây Tần Mậu Trinh: Tự là Chánh Thần, vốn mang họ Tống, tên là Văn Thông, người ở Bác Dã, Thâm châu. Ông nội tên là Dịch, cha tên là Đoan đều là lính ở Bác dã. Trong năm Quảng Minh ông phá được giặc Hoàng Sào, lập công lớn, Hy Tông đến Hưng Nguyên ban cho ông họ Lý, tên là Mậu Trinh. Năm sau Thiên tử về cung phong ông làm Phụng Tường Tiết Độ, rồi tấn phong làm Lũng Tây Quận Vương. Từ đó, ông hưởng lộc trong mười bốn châu từ Hà tây đến Sơn nam. Ông mất năm Phụng Tường thứ hai mươi bảy, tức Đồng Quang năm thứ hai.

14. Thiên sư Ngưỡng Sơn Tuệ Tịch:

Sư họ Diệp, quê ở Hoài hóa, Thiều châu. Năm mười lăm tuổi, Sư

muốn xuất gia nhưng cha mẹ không cho. Hai năm sau, Sư chặt hai ngón tay, đến quỳ trước cha mẹ thỉnh cầu chánh pháp để đền đáp ân dưỡng dục. Cha mẹ đồng ý, Sư liền xuất gia với Thiền sư Thông ở chùa Nam Hoa. Chưa thọ giới Cụ túc Sư liền đi du phương. Đầu tiên Sư yết kiến Đàm Nguyên và tổ ngộ huyền chỉ. Sau Sư đến tham học với Thiền sư Quy Sơn Linh Hựu.

Lúc thượng đường Quy Sơn hỏi:

- Ông là Sa-di có chủ hay Sa-di không chủ?

Sư thưa:

- Có chủ.

- Ở đâu?

Sư từ bên Đông qua bên Tây đứng. Quy Sơn biết Sư là bậc pháp khí, liền cố tâm khai thị. Sư hỏi:

- Thế nào là trụ xứ của chân Phật?

Quy Sơn đáp:

- Dùng cái mầu nhiệm của suy nghĩ mà không suy nghĩ, quay lại tư duy cái vô cùng của ánh sáng tâm linh, dứt suy nghĩ trở về nguồn, tánh tướng thường trụ, sự lý chẳng hai, chân Phật như như.

Ngay câu nói này Sư đốn ngộ, từ đây Sư ở lại hầu Quy Sơn mười lăm năm. Sư nói ra điều gì đều là mực thước cho hậu thế.

Một hôm Sư hỏi Quy Sơn:

- Tâm thức bọt nước của Hòa thượng gần đây an chưa?

Quy Sơn nói:

- Đã năm năm ta không đến.

Sư hỏi: Do đâu ngày nay ở ngay thân này mà Hòa thượng vượt trên đảnh Tam-muội?

Quy Sơn đáp: Chưa vượt.

- Đất tánh bọt nước mà còn yên, trước thân Nhiên Đăng vì sao lại chưa?

- Lý thì như vậy, nhưng ta chưa dám bảo nhậm.

- Thế nào là chỗ chưa dám bảo nhậm?

- Ông chớ dùng miệng giải thoát, lẽ đâu ông không nghe Đạo An, Thần Túc bị Tắc Thiên thử, vào trong nước xong mới biết họ là người tài giỏi, đến lúc đó Phật sắt cũng phải toát mồ hôi. Nay Tuệ Tịch! Ông phải dốc sức tu hành, chớ cả ngày im lặng.

Sau Sư lãnh chúng qua trụ ở núi Vương Mãng. Một hôm Thiền sàng bị sập, địa thần mách bảo sư rằng: “Núi này không đỡ nổi Hòa thượng, phía Đông nam có Ngưỡng sơn là đất phước của nhân gian”.

Sư bèn dời chúng qua Ngưỡng sơn. Sư dạy chúng: “Tất cả các ông phải tự hồi quang phản chiếu, chớ ghi nhớ lời ta. Từ vô thủy đến nay, các ông trái sáng hợp tối, gốc vọng quá sâu khó nhổ liền được. Do đó giả lập phương tiện dọn sạch thức thô của các ông. Như đem lá vàng dỗ trẻ con nín, có gì đúng đâu! Cũng như người đem trăm thứ hàng hóa cùng vàng bạc lập phố buôn bán cốt thích hợp với người mua. Bởi vậy nên nói: “Thạch Đầu là phố chân kim, còn ta là phố tạp hóa. Có kẻ đến tìm phân chuột, ta cũng đem cho; có người đến tìm chân kim (vàng thật) ta cũng đem cho”.

Lúc ấy có vị Tăng hỏi:

- Chẳng cần phân chuột, xin Hòa thượng cho chân kim!

Sư đáp:

Răng nhọn toan mở miệng, cùng kiếp cũng chẳng hiểu.

Sư nói tiếp: Có lên tiếng thì có trao đổi, không lên tiếng không qua lại. Nếu ta nói đến Thiên tông, thì cần một người bên cạnh làm bạn còn không có, huống gì có năm bảy trăm chúng! Nếu ta nói Đông nói Tây, ắt các ông tranh nhau lượm lật. Như đem nắm tay không phỉnh trẻ con, đều không có thật. Nay ta nói rõ cho ông nghe việc của Thánh, nhưng chớ đem tâm ghé hợp, phải nhắm vào biển tánh của mình mà tu hành như thật, chẳng cần Tam minh, Lục thông. Vì sao? Vì đó là việc ngọn. Nay cần thức tâm đạt bản, cốt được cái gốc đừng lo đến ngọn. Được vậy ngày sau ắt tự đầy đủ. Nếu chưa nhận được gốc, dù dùng tĩn để học bao nhiêu chẳng nữa cũng chẳng hề được. Lẽ đâu ông không nghe Hòa thượng Quy Sơn nói: Tình phạm Thánh hết, chân thường bày hiện, sự lý chẳng hai, tức như như Phật”.

Nhân đó Sư quay về tham học với Quy Sơn. Quy Sơn hỏi Sư:

- Ông đã xưng là Thiện tri thức, vậy có phân biệt được những người các nơi đến, họ biết có hay không biết có, có thầy truyền thừa hay không thầy truyền thừa, là nghĩa học hay là huyền học, ông nói thử xem?

Sư thưa:

Tuệ Tịch có chỗ ứng nghiệm, hề thấy tăng các nơi đến liền dựng phất tử hỏi y: “Các nơi có nói đến cái này không? Không bàn đến cái này, ý lão tức các nơi thế nào?”

Quy Sơn khen:

Đây là nanh vuốt trong Tông môn xưa nay.

Quy Sơn lại hỏi:

Chúng sinh trong đại địa ngục thức mênh mang, không nơi nương

tựa, ông làm sao biết họ có hay chẳng có.

Sư đáp:

Tuệ Tịch có chỗ ứng nghiệm.

Lúc ấy có vị Tăng quay ngang qua trước mặt. Sư gọi: “Xà-lê!”
tăng quay đầu lại. Sư nói:

Hòa thượng cái này là nghiệp thức mênh mang, không nơi nương
tựa

Quy Sơn nói:

Đây là một giọt sữa sư tử làm tan sáu đấu sữa lừa.

Tướng công Trịnh Ngu hỏi Sư:

- Lúc chẳng đoạn phiền não mà nhập Niết-bàn thì thế nào?

Sư dựng phất tử, Trịnh Ngu nói:

- Không cần một chữ “nhập” cũng được.

Sư nói:

Một chữ “nhập” không phải vì tướng công.

Sư hỏi Song Phong:

- Chỗ thấy của Sư đệ gần đây thế nào?

Sư Phong đáp:

- Theo chỗ thấy của tôi thật không có một pháp nào có thể xứng
tình.

- Điều ông hiểu vẫn còn nơi cảnh.

- Tôi chỉ như vậy, Sư huynh thì thế nào?

- Lẽ đâu ông không biết “không một pháp xứng tình”!

Quy Sơn nghe được, nói:

- Một câu của Tuệ Tịch e rằng chết người trong thiên hạ.

Có vị Tăng hỏi:

- Ý vào cửa Thiền tông đốn ngộ rốt cuộc thế nào?

Sư đáp:

- Ý này khó lắm! Như người thượng căn thượng trí trong tông môn,
một nghe ngàn ngộ được đại tổng trì, người như thế này rất khó có. Còn
hàng hạ căn trí kém, như cổ đức nói: “Nếu chẳng an thiền tịnh lự, vào
trong đó thấy đều mờ昧”.

- Ngoài cửa ngõ siêu việt này ra, còn có phương tiện nào để người
học vào không?

- Có hay không đều khiến tâm ông không an. Ông là người xứ
nào?

- Người U châu.

- Ông nhớ xứ ấy không?

- Nhớ lắm!

- Xứ ấy lâu đài vườn rừng, người ngựa nhộn nhịp, ông nhớ kỹ xem ở đó có bao nhiêu thứ?

- Tôi đến nơi ấy trọn chẳng thấy gì cả.

- Điều ông hiểu vẫn còn nơi cảnh. Tín vị thì được, còn nhân vị thì chưa. Theo như ông hiểu thì chỉ mới được một huyền chỉ, được ngồi mặc áo, về sau tự xem!

Ngày nọ, Quy Sơn lại hỏi Sư:

- Về sau ông chép được người không?

- Nếu chép chỉ chép kiến giải.

- Sao lại như vậy?

- Bát-nhã-đa-la người Tây trúc sấm ký việc của hai ngàn năm đến nay chẳng mấy may sai lệch. Tào Khê cũng sấm ký sau khi mất sẽ bị nạn, đến nay cũng chẳng hề sai lầm. Ngày nay vẫn còn không?

Quy Sơn nói:

Đó là Hạnh thông. Ta là tự tông thông cũng là học thiền chưa hỏi Lục thông.

Sư thưa:

Con cho rằng, kiến giải tông thông ngôn ngữ dứt sạch, sấm lậu thuộc về ngữ mật. Hành giải chiếu soi, tự biện được nghiệp đục trong thuộc về ý mật. Con chưa bằng Tào Khê và Bát-nhã Đa la nên không dám chép.

Quy Sơn rất hứa khả. Trước đây, Sư từng làm trước bài kệ:

Năm ta bảy mươi bảy

Là lúc phải ra đi

Mặc tánh tự chìm nổi

Hai tay bó gối ngồi.

Đến lúc thị tịch, quả nhiên Sư ôm gối mà tịch. Những di tích và những lời sấm ký của Sư đều còn đủ trong “Bản Sơn Thực Lục”.

Nhâm Tý: Đối niên hiệu là Cảnh Phước.

Giáp Dần: Đối niên hiệu là Càn Ninh.

Đình Ty: Ngô Hành Mật: họ Dương, tự là Hóa Nguyên, người Hợp Phì, Lô châu. Gia thế ông rất nghèo, sức ông có thể nâng cả ngàn cân, mỗi ngày đi ba trăm dặm. Ông giữ chức Bộ kiện ở Lô châu, phá giặc Hoàng Sào lập công lớn được Chiêu Tông phong làm Hoài Nam Vương, rồi tấn phong làm Sở Vương. Lương Tổ phong Ngô Vương xong, năm đó ông mới được phong. Đến Lương Tổ năm thứ hai, tức Lô Châu Thứ mười hai, ông thọ năm mươi tuổi, bốn người con ông đều hưởng bổng

lộc, trấn giữ Hoài nam.

15. Thiên sư Triệu Châu Tùng Thẩm:

Càn Ninh thứ tư, Thiên sư Triệu Châu Tùng Thẩm thị tịch, thọ một trăm hai mươi tuổi. Sư họ Hác, quê ở Tào châu, xuất gia từ nhỏ, chưa thọ giới Cụ túc Sư đã đến Nam Tuyền tham vấn. Nam Tuyền vừa thấy đã khen Sư là bậc pháp khí. Một hôm Sư hỏi:

- Thế nào là đạo?

Nam Tuyền đáp:

- Tâm bình thường là đạo.

- Có thể thú hưởng không?

- Vừa toan thú hưởng là trái.

- Không toan thú hưởng làm sao biết là đạo?

- Đạo không thuộc biết hay chẳng biết. Biết là vọng giác, không biết là vô ký. Nếu thật sự đến được nơi chẳng nghi, giống như hư không thênh thang rộng rang, lẽ đâu gượng lập phải quấy!

Ngay câu nói này, Sư đại ngộ. Từ đó Sư ở lại hầu hạ Nam Tuyền ngót hai mươi năm. Sau Sư đi tham vấn khắp nơi, cuối cùng về lại đất Bắc. Đại chúng thỉnh Sư trụ ở Quan Âm Cổ Sát thuộc Triệu châu. Sư dạy chúng: “Như Minh Châu trong lòng bàn tay, Hồ đến thì hiện Hồ, Hán đến thì hiện Hán. Có lúc Lão tăng đem một cọng cỏ làm thành kim thân cao một trượng sáu, có lúc đem kim thân một trượng sáu làm thành một cọng cỏ. Phật là phiền não, phiền não là Phật”.

Có vị Tăng hỏi:

- Chưa biết Phật là phiền não của ai?

- Của tất cả mọi người.

- Làm thế nào thoát được?

- Thoát để làm gì?

- Thầy có vào địa ngục không?

- Lão tăng chưa sinh lên trên.

- Đại Thiện tri thức vì sao lại vào địa ngục?

- Nếu ta không vào thì ai giáo hóa ông!

Chân Định Soái Vương Công dẫn con vào viện, Sư vẫn ngồi và hỏi:

- Đại Vương hiểu không?

Wương đáp:

- Không hiểu.

- Từ nhỏ trì trai nay đã già.

- Thấy người xuống Thiên sàng không nổi.

Vương Công đánh lễ đi ra. Một hôm Sư dạy chúng: “Phật vàng không độ được lò nung, Phật gỗ không độ được lửa, Phật đất không độ được nước. Phật chân thật ngồi ngay trong nhà, Bồ-đề, Niết-bàn, Chân Như, Phật tánh đều là y phục đắp ngoài thân, còn gọi là phiền não. Vả lại thật tế lý địa để ở chỗ nào? Nhất tâm chẳng sinh thì muôn pháp không lỗi. Ông nên cứu xét, ngồi quán hai ba mươi năm, nếu không hiểu đạo thì chặt đầu tăng này! Mộng huyễn hoa đốm, nhọc công đuổi bắt làm gì. Tâm mà không khác thì vạn cảnh nhất như. Đã không phải từ bên ngoài có được thì nắm bắt làm gì! Giống như con dê, gặp vật gì cũng ngoạm vào miệng. Lão tăng thấy Hòa thượng Dược Sơn nói: “Có người hỏi liền bịt cái miệng chớ lại. Lão tăng cũng bịt cái miệng chớ đây!”

Những lời huyền diệu của Sư, thiên hạ đều suy tôn là những lời tuyệt xướng trong tông môn.

Mậu Ngọ: Đổi niên hiệu là Quang Hóa. Bộ Thánh Trụ Tập được hoàn thành. Bộ sách này do Thiên sư Hoa Nhạc Huyền Vĩ chép cơ duyên của những bậc tông sư từ năm Trinh Nguyên đến nay, và được lưu hành ở đời.

Canh Thân: Vua và Thôi Dận bàn mưu giết hoạn quan. Bọn Lưu Quý Thuật đem cấm quân cướp Thiên tử giam ở viện Thiếu Dương, sửa chiếu lập thái tử lên ngôi.

Tân Dậu: Đổi niên hiệu là Thiên Phúc. Bọn Hàn Toàn Hối cướp vua chạy đến Phụng Tường. Năm này tấn phong Tiền Lưu tước Việt Vương.

16. Thiên sư Vân Cư Đạo Ứng:

Sư ở Ngọc điền, U châu, tham vấn Động Sơn Lương Giới khế ngộ tông chỉ. Động Sơn rất hứa khả và khen: “Người này về sau ngàn vạn người nắm không được”.

Một hôm Sư hỏi Động Sơn:

Xưa Nam Tuyền hỏi vị Tăng giảng kinh Di-lặc Hạ Sinh rằng: “Lúc nào Di-lặc hạ sinh”? Tăng đáp: “Đang ở Thiên cung, đương lai sẽ hạ sinh”. Nam Tuyền nói: “Trên trời không có Di-lặc, dưới đất không có Di-lặc. Sư hỏi tiếp: Như trên trời dưới đất không có Di-lặc, chưa rõ muốn ám chỉ ai?”

Động Sơn liền nắm Thiên sàng lay và gọi:

- Ứng Xà-lê!

Sau đó Sư kết am ở sau động, hằng ngày được đầu bếp chư Thiên mang cơm đến cúng dường. Động Sơn khuyên Sư nên tùy phương tiếp người, Sư bèn lên núi Vân Cư. Học chúng đua nhau đến tham học, đông đến một ngàn năm trăm người. Có lần Sư dạy chúng: “Người xưa nói: Địa ngục chưa phải là khổ, nếu dưới lớp áo mỏng này mà không rõ việc lớn mới là khổ nhất. Các ông đã tới lui ở đây, mười phần đã bỏ đi hết chín phần không còn ganh đua, lại mặc đồ hoặc sắc, đó là thượng tòa cang cường hành cước bình sinh không kham nổi, không cô phụ tông lâm. Người xưa nói: Muốn bảo nhậm được việc này phải đứng trên đỉnh cao sừng sững, phải đi dưới đáy sâu thăm thẳm, mới mong có chút khí lực. Nếu các ông chưa biện được việc lớn cần phải giẫm đạp đường huyền”. Sư nói tiếp: “Các ông là bậc Sư tăng, phát ngôn buông lời phải có nguyên do. Phàm hỏi việc phải biết tốt xấu, tôn ti, sang hèn, tin suông nơi cửa miệng nào có ích gì. Kẻ khác có đến cũng tìm lời lẽ tương tự, bởi vậy ta thường nói với huynh đệ, chớ lấy làm lạ vì chẳng tương tự, là sợ rằng người đồng học quá nhiều. Thứ nhất chớ dẫn đến vì chẳng tương tự. Ông già tám mươi ra đường không phải để trẻ con đùa. Một lời lệch lạc thì ngàn vạn dặm rất khó thâu nhiếp. Đến như gỗ xương đập tủy đều phải có nguyên do. Nói năng như kiếm câu móc khóa liên tục không dứt mới đầy đủ mọi thứ, mới mới mẻ muôn vật. Đó không phải là việc mầu nhiệm ư! Ta nói ông biết, có người trọn chẳng hề nhận, mười lần toan nói hết chín lần lại thôi. Vì sao như vậy? Vì sợ không có ích lợi. Thấu tỏ được tâm người như quạt thảng chạp, cửa miệng lên meo, không phải ông gượng làm. Mặc tình như vậy, muốn được việc gì phải có con người đó, đã có con người đó thì còn lo việc gì nữa. Học việc Phật là đã dụng tâm sai lầm rồi, giả sử ông hiểu ngàn kinh vạn luận, giảng đến nổi trời rải hoa, đá gập đầu thì cũng chẳng can hệ gì tới việc của chính mình, huống gì dụng tâm làm những việc khác! Nếu đem tâm thức hữu hạn dùng trong cái vô hạn, chẳng khác nào đem cây vuông gài vào lỗ tròn, thật quá lầm lẫn! Giả sử được tung hoa, trải gấm cho đến tất cả những việc khác nữa, thì cũng chỉ được gọi là việc của người chứ không hơn người được, rốt cuộc không được gọi là tôn quý. Nếu biết tôn quý nào có dính vật gì. Không thấy người từ cửa vào chẳng phải bảo vật, nâng lên cũng chẳng thành pháp khí đó ư?

Sư nói tiếp: Như con chó săn giỏi, chỉ biết lần theo dấu vết, bỗng gặp con Linh dương mọc sừng, đừng nói đến dấu vết ngay cả hơi còn không đánh mùi được.

Tăng hỏi:

Lúc Linh dương mọc sừng thì thế nào?

Sư nói:

Sáu lần sáu là ba mươi sáu.

Tăng hỏi:

Chẳng hiểu.

Sư nói:

Ông không nghe nói “không dấu vết” đó ư!

Có vị Tăng tụng kinh trong phòng, Sư hỏi vọng qua cửa sổ:

- Kinh Xà-lê tụng là kinh gì?

Tăng đáp:

- Kinh Duy-ma.

- Không hỏi kinh Duy-ma, người tụng là kinh gì?

Vị tăng nghe vậy tỉnh ngộ. Trước lúc lâm chung năm ngày, Sư khai mở phương tiện tối hậu cho chúng, lần lượt từ khi xuất thế đến mạng chung. Đại chúng đều buồn thương. Sau đó Sư an nhiên thị tịch. Về sau vua Đường truy tặng Sư thụy là Hoàng Giác Thiền Sư.

Giáp Tý: Đổi niên hiệu là Thiên Hựu. Tháng giêng, Chu Toàn Trung đưa Thiên tử qua Lạc Dương, tháng tám thì giết chết, và lập Thiếu tử Chúc lên ngôi.

Ất Sửu: Ai Đế: Thiên Hựu năm thứ hai, Chu Toàn Trung giết Chiêu Đế lập ông lên ngôi, bấy giờ ông mới mười ba tuổi. Việc quân việc nước đều phải bắ m với Toàn Trung. Năm ông mười bảy tuổi, Lương Vương sai Lưu Bá giết ông, an táng ở Ôn lăng, thụy là Cảnh Tông, trị vì ba năm.

Bính Dần: Bộc Vương: Tên là Xuyên, con của Chiêu Tông, Thiếu đế bị thuốc độc chết, Lương Vương cùng bá quan gào khóc thảm thiết. Mọi người bàn bạc cử ông lên ngôi, như việc của Chu Công. Thiên Hựu thứ tư, ông nhường ngôi cho nhà Lương và bị thuốc độc chết. Nhà Đường gồm mười chín đời vua (không kể Tắc Thiên) trị vì hai trăm chín mươi năm, sau bị Chu Ôn soán ngôi.

17. Ngũ Đại:

Bài tựa nói: Sau, họ Chu nhà Lương soán ngôi nhà Đường trải qua năm triều tám họ, mười ba đời vua, trị vì năm mươi ba năm. Âu Dương Văn Trung Công ngậm ngùi Xuân Thu soạn sử Ngũ Đại. Người xưa bảo rằng, Xuân Thu ra đời thì loạn thần tặc tử khiếp sợ. Nhưng từ Tần Hán trở xuống, họa vẫn ngấm ngấm, loạn vẫn sát nách. Giữa cha con vua tôi những người không cam tâm nghe, lẽ đâu không phải quá khiếp sợ đó

chăng! Tôi từng đem Tân Bản Kỷ, Cựu Bản Kỷ nhà Đường ra so sánh, thấy rõ Văn Trung rất đề cao Xuân Thu, ông ấy lược nêu muôn việc, cái hay của sự khen chê, những bộ sử khác không sánh kịp. Nhân đó tôi chọn mấy đoạn viết thành Tân Đường Sử Bản Kỷ, tóm gọn thành một thiên. Đến khi gặp Ngũ Đại sử, tôi xem lại những lời mà ông ấy mở đầu cho việc soạn thuật rất hợp với những gì tôi đã nói. Nhưng đem Xuân Thu là bộ sử viết về Tông Vương để chỉnh sửa Đường sử vẫn được, bởi vì nó quá hư danh, thịnh lễ mà những anh quân lấy lừng trong đời Ngũ Đại đâu phải chỉ bày suông thôi.

Chu Toàn Trung giết Chiêu Tông diệt nhà Đường. Tuy những kẻ ác như Vương Mãng, Lưu Diệu cũng không đủ để sánh với ông ta. Đến khi có được đất nước, cha con càng tàn sát lẫn nhau, chết chẳng khác heo chó. Đó là đạo lý nhân quả thiện ác của Phật giáo ta. Văn Trung chỉ lướt qua mà không ghi chép lại, còn mượn các vị trí cao vợi của Xuân Thu làm lễ lối triều đình mà vui lấp hết, trọn không có một lời chê trách Toàn Trung. Giả sử những bậc trung lương trong đời đọc đến có để lộ nỗi bất bình trong lòng chăng?

Kinh Quốc Vương Văn Công từng than tiếc Văn công không chỉnh sửa Tấn Thư lại đi chỉnh sửa Ngũ Đại sử. Những lời tôi nói ra cũng chính là điều mà Văn Công than tiếc. Đến như Lý Khắc Dụng, Thạch Kính Đường, Lưu Tri Viễn đều là giống Đột Quyết, Sa Đà, Di Địch; Chu Toàn Trung, Quách Uy là người Trung Quốc nhưng trái lại không bằng ba người Di địch gần đây. Quách Uy thay thế nhà Hán cùng nuôi nấng Thế Tông, nên cũng có đôi chút thanh danh, nhưng những người phê bình chỉ thấy chung chung mà không biết tường tận.

18. Lương Thái Tổ Chu Ôn:

Lương Thái Tổ tên là Ôn, lên ngôi đổi niên hiệu là Khai Bình, Hy Tông ban cho họ là Toàn Trung, sau khi nhận ngôi từ nhà Đường, ông lại lấy tên là Hoảng tự là Khuông Thánh. Ông vốn là người ở làng Ngộ Câu, Năng Sơn, Tống châu. Cha tên là Thành, dùng Ngũ kinh dạy ông, quả nhiên về sau ông soán ngôi nhà Đường. Năm sáu mươi mốt tuổi bị con là Hữu Khuê giết. Ông ở ngôi được sáu năm, đóng đô ở đất Biện, sau dời về đất Lạc. Lôi Thị nói: Lương Tổ Chu Ôn, Thứ Nhân Mạt đế, ba đời chủ trị vì mười bảy năm.

* Ngô Việt Lưu: Tự là Cự Mỹ, họ Tiền, người Lâm An, Hàng châu. Thuở nhỏ không lười biếng, chơi hoang, thời Hy Tông ông làm tướng hộ vệ cho Đồng Xương, dùng cung bắn chết tiên phong của Hoàng Sào,

chém hơn mấy trăm giặc, nên bọn Hoàng Sào không dám quấy phá Lâm An. Đổng Xương cất nhắc ông làm đô chỉ huy, Xương cũng tạo phản, Lưu tâu với Chiêu Tông, Chiêu Tông phong ông làm Triết Đông Chiêu Thảo sứ. Sau ông giết Xương, được tấn phong làm thiên hạ bình mã đô nguyên soái. Đến nhà Lương, ông được phong làm Ngô Việt vương. Sau Đường Trang vào đất Lạc ban tặng ông sách ngọc ấn vàng, nhân đó xưng là Ngô Việt Vương, ông thọ tám mươi một tuổi, trị vì Hàng châu hai mươi một năm. Lôi Thị nói: Tiền Hàng Ngô Việt, năm đời chủ trị vì tám mươi bốn năm.

* Yên Thủ Quang: Họ Lưu, người Lạc Thọ, Thâm châu. Cha ông là Nhân Cung, thờ U Châu Lý Khả, có công rất lớn, Quang cũng vậy. Tháng tám, tự phong là Đại Yên Hoàng đế, đổi niên hiệu là Ứng Thiên, trị vì U châu suốt mười chín năm. Lôi Thị nói: Thủ Quang tiếm nước Yên trị vì mười chín năm.

19. Thiên sư Tuyết Phong Nghĩa Tôn: (Mậu thìn)

Tháng năm, Thiên sư Tuyết Phong Nghĩa Tôn thị tịch. Sư họ Tăng, người Tuyên châu, Sư xuất gia năm mười bảy tuổi, và đến U châu thọ giới, tham vấn khắp Thiên hội, cơ duyên khế hợp với Đức Sơn. Trong năm Hàm Thông, Sư lên núi Tượng cốt, dựng Thiên viện, học chúng đua nhau tìm đến. Ý Tông ban sư hiệu là Chân Giác Đại Sư.

Sư thượng đường, tăng hỏi:

Giơ tọa cụ, dựng phát tử không xứng tông thừa. Hòa thượng diễn bày thế nào?

Sư liền dựng phát tử. Vị tăng ấy ôm đầu đi ra. Sư cũng chẳng hỏi nguyên do.

Đạo Phó hỏi Sư:

- Chỉ như Cổ đức đầu chẳng phải lấy tâm truyền tâm?

Sư đáp:

- Thêm bất lập văn tự ngữ cú nữa!

- Nếu như bất lập văn tự ngữ cú, thầy làm thế nào truyền trao?

Sư im lặng giây lâu. Đạo Phó lễ bái. Sư nói:

- Hỏi thêm lần nữa không tốt sao?

- Xin Hòa thượng chuyển cho một lời!

- Nếu vậy, chỉ thương lượng riêng.

Sư nói:

Làm thế nào Hòa thượng được ngay?

Trường Khánh hỏi Sư:

- Từ trước chư Thánh truyền thọ một đường, thỉnh thầy khai thị! Sư im lặng. Trường Khánh lễ bái lui ra. Sư mỉm cười.
 Có lần Sư dạy chúng: “Đường đường mật mật mà nói”. Đạo Phó liền bước ra hỏi:
 - Cái gì là đường đường mật mật?
 Sư đứng dậy hỏi:
 - Ông nói cái gì?
 Đạo Phó liền lui trở lại. Sư nói tiếp:
 - Việc này có gì là tôn quý, có gì là miên mật.
 Đạo Phó thưa:
 - Con đến đây mấy năm chẳng hỏi sao Hòa thượng lại chỉ dạy?
 Sư nói:
 - Trước đây tuy không cò như bây giờ, lẽ đâu lại ngại chẳng?
 - Không dám. Như vậy là Hòa thượng chẳng phải vậy mà lại như vậy.
 - Đó là điều khiến ta như vậy.
 Nhân đây Đạo Phó có lối vào.
 Một hôm nhân lúc làm việc, Sư liền cử lời của Quy Sơn “Thấy sắc liền thấy tâm” và hỏi Đạo Phó:
 - Vậy có lỗi hay không?
 Đạo Phó thưa:
 Người xưa làm việc gì?
 Sư nói:
 Tuy là như vậy, nhưng muốn thương lượng với ông.
 Đạo Phó thưa:
 Như vậy thì chẳng bằng nói.
 Nói xong Đạo Phó cúi đất tiếp.
 Lại nhân một buổi làm việc, Sư hỏi Hạo Nhiên:
 - Người xưa nói: “Ai biết dưới khăn bịt đầu lại là người buồn năm xưa”. Ý người xưa thế nào?
 Hạo Nhiên vừa đội nón vừa hỏi:
 - Lời này do ai nói? Người trì kinh có thể gánh vác Như Lai, nhưng lại bông sư đặt lên Thiền sàng!
 Một hôm Thiệu Khanh cùng đi kinh hành với Sư, thấy lá khoai nước lay động, Sư chỉ lá khoai nước, Thiệu Khanh thưa:
 - Con sợ lắm!
 - Ở trong nhà ông, ông sợ cái gì? Từ đây Thiệu Khanh được khai ngộ.

An Quốc Hoằng Thao tham vấn Sư. Sư hỏi:

- Ông từ đâu đến đây?

Thao thưa:

- Giang tây.

- Nơi nào thấy Đạt-ma?

- Đã nói rõ với Hòa thượng rồi.

- Nói cái gì?

Thao thưa:

Chỗ nào có đến đi?

Một hôm Sư gặp Hoằng Thao liền nắm đứng lại nói:

- Khấp đại địa đều là cửa ngõ giải thoát, nắm tay dẫn y vào y chẳng chịu vào.

Thao thưa:

Hòa thượng sợ Hoằng Thao không được!

Sư nói:

Tuy là như vậy nhưng lẽ đâu lại cô phụ biết bao Sư tăng sau này sao?

Thượng tọa Thái Nguyên Phu tham vấn sư. Phu lễ bái xong đứng bên phải tòa. Sư vừa nhìn Phu, Phu liền nhìn xuống chủ sự. Hôm khác vừa gặp Phu, Sư lấy tay chỉ mặt trời, Phu khoát tay mà đi. Sư hỏi:

- Ông không chấp nhận ta sao?

Phu thưa:

Hòa thượng lắc đầu, con vẫy đuôi, có chỗ nào không chấp nhận Hòa thượng đâu!

Sư nói:

Đến nơi khác cũng cần phải tránh.

Đêm nọ, chúng tăng đến tham vấn, Sư đang nằm trên giường, Phu nói: Trong khắp năm châu, chỉ có Hòa thượng này rõ ràng đôi chút.

Sư liền ngồi dậy.

Sư ở Mân châu hơn bốn mươi năm, pháp hội rất thịnh, đứng đầu thiên hạ, thường không dưới một ngàn năm trăm người. Lúc sắp lâm chung, buổi sáng Sư đi dạo lam điền (ruộng rẫy), chiều về tắm rửa xong, nửa đêm thị tịch thọ tám mươi bảy tuổi.

20. Thiên sư Huyền Sa Sư Bị:

Tháng mười một, Thiên sư Huyền Sa Sư Bị thị tịch. Sư vốn con một gia đình đánh cá, năm ba mươi tuổi Sư mới xuất gia thọ giới, tu tập khổ hạnh. Sư và Tuyết Phong tình như thầy trò, đạo duyên kế hợp.

Có lần Tuyết Phong khen: “Đầu-đà Bị là người tái sinh”. Sư xem kinh Lăng-nghiêm tỏ ngộ tâm địa, từ đó Sư ứng cơ rất mau lẹ, ngầm khế hợp ý kinh. Người học bốn phương có điều gì chưa tỏ đều đến Sư thưa hỏi. Sư thượng đường giây lâu nhưng chẳng nói gì, chúng cho rằng Sư không thuyết pháp, ai nấy đồng loạt ra về. Sư liền quở trách: Xem ra chỉ toàn giống nhau cả, chẳng có một người trí tuệ, hễ thấy ta mở miệng thì đều xúm xít lại tìm ngôn kiếm ý. Ta chân thật với các ông nhưng các ông lại chẳng biết. Xem ra khó quá! Khó quá! Mười phương chư Phật đem các ông để trên đỉnh đầu, chẳng dám dính mảy may nhằm lẫn, chỉ có thể nói việc này chỉ mình ta biết. Các ông hiểu không? Ngày nay người kế thừa đều nói là thừa kế Thích-ca. Ta nói Thích-ca là bạn đồng tham với ta. Các ông nói xem, tham vấn ai? Hiểu không? Nay các ông muốn thoát khỏi thân ngũ uẩn, người điền chủ, chỉ cần biết nhận lấy thể Kim cang bí mật của các ông. Người xưa nói với các ông “Thành tựu viên mãn, biến khắp pháp giới”. Ta nay cũng có chút phần để làm người trí cho các ông, có thể ví dụ thì hiểu ngay. Ông có thấy mặt trời trong Diêm-phù-đề này không? Người thế gian làm vô số công việc để nuôi thân, để sống, còn đều phải nhờ vào ánh sáng mặt trời mà được. Còn như thể của mặt trời lại có nhiều loại và tâm hành không? Có phải không có mặt trời ở khắp nơi không? Muốn biết thể Kim cang này cần phải hiểu như vậy. Như nay núi, sông, đại địa, sắt, không, sáng tối của mười phương quốc độ và thâm tâm của ông đều nương vào cái oai quang của viên thành nơi ông mà hiển hiện. Cho đến trời người quần sinh tác tạo vô lượng nghiệp sau đó thọ sinh” quả báo, hữu tình, vô tình đều nương cái oai quang của ông. Nhấn đến chư Phật thành tựu đạo quả, tiếp vật lợi sinh, đều nương cả vào oai quang của ông. Như thể Kim cang còn có phàm phu, chư Phật không? Có tâm hành như các ông không? Không thể nói là không có được. Ông đã có cái kỳ đặc như thế, vậy có hiểu không? Hãy nỗ lực lên. Trân trọng!

Ban đầu Sư trụ ở Mai Khê, sau đó qua ở Huyền Sa. Hồi ấy tông lâm hải chúng trong thiên hạ đều ngưỡng vọng, kính phục Sư. Mân Soái Vương Công lạy Sư làm thầy. Học chúng có đến ngàn người, thiên đường không bao giờ đóng cửa. Sư ứng cơ tiếp vật trọn hai mươi năm, những pháp yếu mà Sư diễn giảng có bộ Đại lục đang lưu hành ở đời. Sư mất năm bảy mươi lăm tuổi. Mân Soái truy tặng Sư hiệu là Tông Nhất Thiên sư.

* Sở Ân: Họ Mã tự là Bá Đồ, người Yên Lăng, Hứa châu. Ông vốn con nhà nông, thờ nhà Lương, nhờ chinh phạt mà có công lớn, được

phong làm Sở Vương. Đến năm Bính Tý, niên hiệu Trinh Minh đời Mạt Đế ông mới dựng nước, lập châu quận. Ông trị vì mười bốn năm, thọ bảy mươi chín tuổi. Lôi Thị nói: Mã Sở chiếm Hồ Nam năm đời chủ trị vì năm mươi bảy năm.

* Thục Kiến: Họ Vương, tự là Quang Đồ, người Vũ Dương, Hứa châu, giúp nhà Đường có công, được phong làm Tây Bình Vương rồi tấn phong làm Thục Vương, sau có chí muốn làm vua. Chiêu Tông bị mưu sát, Thiếu Đế nhường ngôi cho nhà Lương. Quần thần than khóc thảm thiết, văn võ khuyên ông dựng nước. Ông bèn lập thành đô, lấy quốc hiệu là Thục, trị vì mười hai năm, thọ bảy mươi hai tuổi, đổi niên hiệu là Vũ Thành. Lôi Thị nói: Vương Kiến chiếm đất Thục, hai đời chủ, trị vì ba mươi lăm năm.

* Kinh Quý Hưng: Tự là Di Tôn, người Thiểm Thạch, Thiểm châu. Ông vốn tên là Lý Xương, thuở nhỏ làm gia đồng cho Lý Hộ ở Biện châu. Hồi ấy Lương Tổ trấn giữ Tuyên Vũ, Hộ vào dâng lễ vật, và được Lương Tổ nhận làm con nuôi, đổi thành họ Chu. Nhờ Hộ nên ông được gặp Lương Tổ, Lương Tổ lấy làm lạ cũng nhận ông làm con nuôi, và cũng được đổi họ Chu. Về sau ông được báii phong làm Tổng Châu Thứ Sử. Nhờ phá được quân phòng ngự của Thanh Châu Tỳ Dĩnh Dương, nên ông được tấn phong làm Bột Hải Dương, lại đổi thành họ Cao. Thời Đường Trang, ông mở mang đất Thục, do đó có công được phong làm Nam Bình Vương. Người nước Ngô đốc thúc ông, và ông lập ra Kinh Nam, trị vì hai mươi năm, thọ năm mươi bốn tuổi. Lôi Thị nói: Quý Hưng chiếm Kinh Nam, năm đời chủ trị vì năm mươi bảy năm.

* Ngô Ác: Tự là Thừa Thiên, con trưởng của Mạt. Mạt bị bệnh, ra trấn giữ Tuyên châu, ông tiếp nối giữ Hoài Nam được một năm, thọ ba mươi tuổi, sau bị Ôn Hạo giết.

* Lăng Diễn: Tự là Hồng Nguyên, con thứ của Mạt. Ôn Hạo giết Ác, ông liền lên ngôi, trị vì mười hai năm, đổi niên hiệu là Vũ Nguyên, thọ hai mươi tuổi ba. Em ông là Bạt lên nối ngôi.

* Mân Thẩm Tri: Họ Vương, tự là Tín Thông, người Cố Thi, Quang châu. Anh ông thờ nhà Đường được phong là Phước Châu Quán Sát. Anh ông mất, ông thay anh đi chinh phạt và lập công. Chiêu Tông phong ông làm Lang Da Vương. Đến Lương Tổ được báii phong làm Tri Thư Lệnh, phong làm Mân Vương, ông lập ra Phước Kiến, trị vì mười tám năm, thọ sáu mươi bốn tuổi. Lôi Thị nói: Vương Mân chiếm Phước Kiến, năm đời chủ, trị vì năm mươi lăm năm.

21. Duy Kính soạn Bảo Lâm Truyện: (Canh Ngọ)

Đầu-đà Duy Kính ở Nam nhạc sơn gom tập cơ duyên của những bậc Tông Sư xuất thế từ năm Quang Hóa về sau thành Tục Bảo Lâm Truyện.

Tân Mùi: Đổi niên hiệu là Càn Hóa.

* Nam Hán Ẩn: Họ Lưu, người Thượng Sái. Ông nội ông sinh sống ở An nhân, sau dời về Mân Trung, buôn bán vùng Nam Hải và lập nghiệp ở đây. Cha ông là Khiêm làm Quảng châu Nha tướng, phá giặc Hoàng Sào có công và được phong làm Châu Thứ sử. Sau đó cha ông mất. Người trong châu dâng biểu tiến cử Ẩn thay thế. Ông thờ nhà Đường có công, Chiêu Tông phong ông làm Nam Hải Vương. Thiên Hựu năm thứ hai, phong ông làm An Nam Đô Hộ. Năm thứ ba, phong làm Nam Bình Vương. Nay nhà Lương lại phong ông làm Nam Hải Vương. Năm Trịnh Minh thứ ba, ông mất thọ ba mươi tám tuổi. Lôi Thị nói: Nam Hán Ẩn chiếm Quảng châu, năm đời chủ trị vì sáu mươi bảy năm.

Nhâm Thân: Lương Tổ bệnh nặng. Trình Vương Hữu Khuê, Tá Thiên thứ sử Thái Châu không đi mà lại lén đến Tả Long Hồ Thống Quân Hàn Kinh bàn mưu vào phục trong cấm cung. Bộc phu của Hữu Khuê là Phùng Đình Ngạc đâm chết vua tại long sàng, sửa chiếu cho Hữu Khuê nắm việc quân việc nước, phát tang xong liền lên ngôi. Hồi ấy Lương Tổ Ôn đi kinh lược vùng Tống hào bổng gặp phụ nữ giữa đường, nhân đó sinh ra Dĩ Hợp. Hợp lên ngôi chưa đầy một năm thì bị Hữu Trinh phế xuống làm thường dân, và đổi niên hiệu là Nguyên Phụng.

22. Mạt Đế: (Quý dậu)

Mạt Đế tên là Hữu Trinh, còn có tên là Chấn, con thứ ba của Ôn. Nghe Hữu Khuê làm loạn liền đem binh thảo phạt và giết chết Hữu Khuê, sai Triệu Khí truyền quốc bảo đến đất Biện đón vương lên ngôi. Sau ông đổi tên là Hoàng, đóng đô ở đất Biện, vì đây là đất Tổ. Đường sai Hoàng Phủ Lân đánh diệt, ông ở ngôi mười năm, lấy lại niên hiệu là Càn Hóa.

Kỷ Hợi: Đổi niên hiệu là Trinh Minh.

Bính Tý: Bảy vạn quân Tấn đến thảo phạt. Liêu chủ A Bảo Cơ xưng đế, lập quốc hiệu là Đại. Khiết Đan đổi niên hiệu là Thiên Tán. Nước Liêu ra đời. (Sách sử Trung Quốc không thấy ghi chép, nên không có căn cứ để tra khảo. Vì vậy niên đại trong thời gian này khó mà biết

rõ). Cha ông là Cán Lý làm chức Di Ly Trung, giống như chức thứ sử của Trung Quốc. Sinh xong bỏ rơi ông, ông mạnh khỏe đa trí, có tài kinh lược, giỏi bắn cung. Sắt dày một tấc mà ông bắn xuyên qua. Ban đêm ông ngủ thì mắt phát sáng, tả hữu đều khiếp sợ, các bộ lạc khác sợ mà khuất phục ông, ông có nước nhưng không an, đến năm Thiên Tộ bị nhà Kim diệt. Ông trị vì mười một năm.

23. Hòa thượng Bồ Đại ở Minh châu:

Không ai biết tên họ Sư là gì, Sư tự xưng là Khế Thử. Hình dung Sư thấp, xấu xí, trán dô, bụng phệ, nói năng vô định, ngủ nghỉ khắp nơi. Sư thường dùng cây gậy quấy một túi vải, vật dụng tùy thân đều cho cả vào trong ấy. Sư vào xóm làng, chợ búa thấy vật thì xem, có khi có cả mắm, cá ướp. Trước khi ăn, Sư lấy một ít cho vào bị vải, người ta gọi Sư là Trường Đinh Tử Bồ Đại sư. Có lần Sư nằm trong tuyết, nhưng tuyết chẳng lấp thân, người ta rất lấy làm lạ. Có khi xin xong, Sư đem trả lại. Sư chỉ việc kiết hung cho người ta đều ứng nghiệm chẳng sai chạy. Trời sắp mưa, Sư mang giầy cỏ ướt mềm đi giữa đường. Gặp trời nắng, Sư kéo guốc gỗ lộp cộp, có khi trong chợ, có lúc trên cầu rồi chéo chân mà ngủ, cư dân thấy Sư làm thì biết trời nắng hay mưa.

Một hôm có vị Tăng đi trước mặt Sư, Sư vỗ vào lưng vị Tăng một cái, vị Tăng quay lại, Sư nói: “Cho ta một đồng”. Vị tăng nói: “Nói được thì cho ông một đồng”! Sư liền buông túi vải xuống rồi chấp tay đứng.

Hòa thượng Bạch Lộc hỏi Sư:

- Thế nào là Bồ Đại?

Sư liền đặt túi vải xuống.

- Thế nào là việc của Bồ Đại?

Sư liền vác túi vải đi.

Hồi ấy Hòa thượng Bảo Phước hỏi Sư:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư liền buông túi vải xuống và chấp tay.

Bảo Phước hỏi:

Chỉ là như vậy hay có việc hưởng thụ nào nữa?

Sư liền vác túi vải và đi.

Sư đứng ngả tư đường, có vị Tăng hỏi:

- Hòa thượng làm gì mà đứng đây?

Sư nói:

Đợi một người.

Tăng nói:

Đến rồi! Đến rồi!
 Sư nói:
 Ông không phải là người ấy.
 Tăng hỏi:
 Thế nào là người ấy?
 Sư nói:
 Cho ta một đồng.
 Sư có bài ca rằng:

*Chỉ tâm tâm này tâm là Phật
 Mười phương thế giới vật tối linh
 Diệu dụng dọc ngang thương hàm thức
 Tất cả chẳng bằng tâm chân thật.
 Vùn vụt tự tại chẳng tạo tác
 Thông dong rớt cuộc người xuất gia
 Nếu thấy đạo lớn ngay trước mắt
 Chẳng thấy mây may cũng thật kỳ!
 Muôn pháp đâu khác, tâm đâu khác
 Cần gì khổ nhọc tìm nghĩa kinh
 Tâm vương vốn tự bất tri kiến
 Kể trí chỉ rõ Vô học địa.
 Chẳng thánh, chẳng phàm là cái gì?
 Giữa thánh với phàm chẳng hề chia
 Tâm châu vô giá vốn viên tịnh
 Dị tướng kia ô! Hư vọng thôi.
 Người hay hoằng đạo, đạo phân minh
 Vô lượng thanh cao hợp đại tình
 Quảng tích như lên đường cố quốc
 Chớ lo muốn xử chẳng tiếng tăm.*

Sư lại có bài kệ rằng:

*Một bát, cơm ngàn nhà
 Một mình, muôn dặm xa,
 Mắt xanh trông già trẻ
 Hỏi đường mây trắng qua.*

Tháng ba niên hiệu Minh Trinh thứ hai đời Lương, Sư sắp thị tịch, khi ấy Sư ngồi kiết già trên bàn đá ở Đông đường chùa Nhục Lâm, nói kệ rằng:

*Di-lặc thật Di-lặc
 Phân ngàn trăm ức thân*

*Thường hay dạy người đời
Nhưng người đời chẳng biết.*

Nói kệ xong, Sư an nhiên thị tịch. Sau đó, có người ở châu khác gặp Sư vẫn quảy túi vẫn đi như ngày nào, thế là tứ chúng đua nhau họa tượng Sư thờ cúng. Ngày nay toàn thân Sư vẫn còn tại Đông đường của chùa Nhạc Lâm.

Đinh Sửu: Hán Cung: Ban đầu có tên là Nham, con thứ của Ân, bị đẽ rơi ngoài đường. Ông cao bảy thước, nổi nghiệp cha được tập phong làm Nam Hải Vương. Năm này ông dựng nước lấy quốc hiệu là Việt. Năm sau lại đổi quốc hiệu là Hán, trị vì ba mươi một năm, thọ năm mươi bốn tuổi. Chữ “Cung” là lấy nghĩa “Rồng bay trên trời xanh” trong Chu Dịch.

Mậu Dần: Thục Diễn: Tự là Hóa Nguyên, con thứ mười một của Kiến, mẹ ông là Từ Hiền Phi, nhờ được sủng ái nên ông được lập làm thái tử. Kiến mất, ông lên ngôi, ông hoang dâm phóng túng, giao chánh sự cho bọn hoạn quan. Ông đổi nên hiệu là Đại Quang, ở ngôi sáu năm, bị Quách Sùng Thao nhà Đường đánh diệt.

Canh Thìn: Ngô Bạc, con thứ tư của Mật, lên ngôi không đổi niên hiệu, trị vì mười bảy năm, thọ hai mươi tám tuổi, bị Nam Đường Thăng diệt.

Tân Ty: Đổi niên hiệu là Long Đức.

Quý Mùi: Hoàng thượng nghe binh của Lý Tự Nguyên đến bèn sai Hoàng Phủ Lân giết mình. Binh của Tự Nguyên vào thành, đất nước bị diệt vong.

Nhà Lương gồm hai đời chủ trị vì tổng cộng mười bảy năm, bị Lý Tồn Úc nhà Tống tiêu diệt.

* **Hậu Đường:** Họ Lý, Vương Thổ Đức đóng đô ở đất Biện, đất Lạc, rồi dời về Thái Nguyên. Lôi Thị nói: Vụ Khắc Dụng, Trang, Minh, Mẫn, Mạt bốn đời chủ trị vì mười lăm năm.

* **Vũ Hoàng Đế Khắc Dụng:** Thế hiệu là Chu Da, xuất thân từ dòng dõi Đột Quyết, tự hiệu là Sa Đà, lấy Chu Da làm họ, Liệt Khảo Chu Da Xích Tâm có công lớn với Từ châu, Ý Tông ban cho họ Lý, an định thiên hạ. Trang Tông lên ngôi, Thiên Hựu thứ năm ông mất, an táng ở địa phận Nhạn Môn.

24. Đường Trang Tông Lý Tồn Úc:

Lý Tồn Úc là đích tử của Thái Tổ, mẹ là Tào hậu. Ông là người giỏi võ, thiện chiến. Ông diệt nhà Lương rồi lên ngôi, trị vì từ Lương tổ

thứ hai đến Đồng Quang thứ ba, mất năm bốn mươi ba tuổi, an táng ở Hà nam, Ung lãng. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Đồng Quang.

Giáp Thân: Triều đình phong Lý Mậu Trinh làm Tần Vương, Cao Quý Hưng làm Nam Bình Vương.

25. Thiên sư Hưng Hóa Tôn Tửng:

Vua hạ chiếu thỉnh Thiên sư Hưng Hóa Tôn Tửng ở Ngụy Phủ vào triều. Vua hỏi Sư về yếu chỉ của Thiên, và ban cho Sư một con ngựa. Do không quen cỡi nên bị té và bị thương ở chân, năm sau thì Sư thị tịch.

Một hôm vua nói với Sư:

- Trẫm thấu Đại Lương, lấy được hạt minh châu vô giá, nhưng chưa có người đến trả giá.

Sư nói:

Xin bệ hạ cho xem thử châu!

Vua liền dùng tay vuốt từ đầu đến chân.

Sư nói:

Bảo châu của quân vương ai dám trả giá.

Sau khi Sư thị tịch, vua sắc phong Sư thụ là Quảng Tế Đại Sư, tháp hiệu là Thông Tế.

Có lần Sư hỏi tăng:

- Từ đâu đến?

Tăng thưa:

Từ tháp hội Thiên sư Thôi đến.

- Có đem được tiếng hét của Thiên sư Thôi đến không?

- Không đem được.

- Sao không theo Thiên sư Thôi đến?

Tăng liền hét. Sư bèn đánh. Sư dạy chúng: “Các ông chớ hét càn hét loạn, giả sử các ông hét được như Hưng Hóa bay đến trụ giữa trời đi nữa, cũng phải rơi xuống tắt thở, đợi Hưng Hóa tỉnh lại sẽ nói với các ông là chưa được. Vì sao? Bởi vì ta chưa hề để chân châu trong màn là tía cho các ông, thì hét loạn trong hư không làm gì?”

Sư xét định người, thiên ngữ của Sư có ghi đủ trong Truyền Đăng.

Ất Dậu: Triều đình sai Châu Đức Uy bắt Lưu Thủ Quang đến Nhận môn, sai Tôn Bá đâm tim lấy máu tế tổ, rồi chém Quang ở chợ.

* Ngô Bạc: Dựng chùa Thanh Lương ở thành Thạch Đầu, thỉnh Ngô Không trụ trì.

* Tiền Thục: Đổi niên hiệu Hàm Khương rồi đến hàng, sai Mạnh Tri Tường trấn giữ đất Thục. Tiền Thục gồm hai đời chủ trị vì tổng cộng ba mươi lăm năm.

* Tiền Lưu: Được phong làm Ngô Việt Quốc Vương, nhưng vẫn thỉnh thị ý kiến quần thần, bá quan đều đồng ý.

* Mân Diên Hàn: Tự là Tử Dật, con trưởng của Thẩm Tri, Đồng Quang thứ tư, Trang Tông bị ngộ sát, ông dựng nước xưng vương, theo chính sách của nhà Đường, ở ngôi một năm.

26. Minh Tông:

Minh Tông Lý Tự Nguyên lên ngôi, đổi niên hiệu là Thiên Thành. Tự Nguyên vốn là dòng Di Địch, không có họ. Cha là Điện làm chức Nhạ Môn Bộ Tướng, sinh ra Tử Dật vốn là người tàn ác, Thái Tổ Khắc Dụng nhận làm con nuôi, ban cho họ Lý, tên là Tự Nguyên. Hồi ấy vua mới đến Nghiệp đô, quan quân thấy liền đồng thanh la to: “Xin lệnh công làm vua xứ Hà Bắc!”. Thạch Kính Đường, Khương Nghĩa Thành cũng đều khuyến cử Tự Nguyên. Ông bèn sai An Trọng Hối chuyển binh, thế quân rất mạnh. Tự Nguyên chiếm cứ đất Lương. Thời ấy, từng mã trực đô chỉ lý sứ Quách Tùng Liêm không biết Mục Vương Tôn đã chết, lại muốn theo ông ấy làm loạn. Trang Tông lưu lạc, trúng tên và chết ở Phùng tiêu điện, bạn bè bèn nhật nhạc cụ trong điện để thiêu thi thể ông. Đến khi Tự Nguyên lên ngôi, Nguyên bèn thu nhật hài cốt Trang Tông tần liệt đảng hoàng, lúc ấy ông đã sáu mươi. Hằng đêm ông thường đốt hương cáo trời trong cung, mong Thánh nhân sớm ra đời làm người chủ cho muôn dân. Ông ở ngôi tám năm, sau bị bọn quần thần Chu Hoằng Chiêu giết chết, an táng ở Huy lăng.

* Mân Lân: Trước có tên là Diên Linh, con thứ của Thẩm Tri. Hồi ấy Diên Bẩm cùng với Lân mưu sát Hàn, rồi Bẩm suy tôn ông lên ngôi, và trở về Kiến châu. Lúc chia tay, Bẩm nói với ông: “Khéo nói chí trước, đừng phiến ta phải đến lần nữa”. Đến năm Trường Hưng thứ hai, Bẩm đánh nhau với Lân, bị Lân giết chết. Lân thích thờ quỷ thần, đạo sĩ Lưu Thủ Nguyên dùng dị đạo mê hoặc Lân, Kiến Bảo Hoàng hậu luôn ở trong cung nên không biết. Về sau ông bị Lý Phỏng giết. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Thiên Bảo.

Đinh Hợi: Liên chủ Đức Quang: Đức Quang tên là Diệu Khuất Chi, họ Lưu, con thứ hai của A Bảo Lô. Ông sinh ra ở trưởng của Nhạc Đông Nha (vốn là bộ lạc lớn). Lúc ấy có mây đen che kín trời, ánh lửa sáng ngời, lại có âm thanh như tiếng sấm. Lớn lên, ông xuất chúng

lại có chí lớn, rất giỏi về cỡi ngựa bắn cung, bình định được hai nước Khuê, Bột Hải. Ông trị vì hai mươi một năm, ngay nơi bộ lạc ông ở, ông dựng chùa Thiên Hùng, trong chùa có tượng của Thái Tổ Khiết Đan. Ông đổi niên hiệu là Thiên Hiến, đại xá thiên hạ.

Kỷ Sửu: Kinh Tùng Hối: Tự là Tuân Thánh, con trưởng của Hưng, ở ngôi hai mươi một năm, thọ năm mươi tám tuổi.

Canh Dần: Đổi niên hiệu là Trường Hưng. Tần Vương Lý Mậu Trinh vào triều, bỏ pháp chế lập quốc.

* Sở Hy Thanh: Tự là Nhược Nột, con thứ của Ân, quyết đoán việc quân việc nước. Ân mất, ông nối ngôi.

Nhâm Thìn: Sở Hy Phạm: Tự là Tử Củ, con thứ tư của Ân. Ông có mười anh em, đích tử là Hy Chấn, là người rất nhân từ. Thanh và Phạm là hai anh em cùng mẹ, mẹ của Thanh là Viên thị, vốn có nhan sắc nên được lập trước, Hy Chấn thấy vậy nên bỏ nhà đi làm đạo sĩ. Thanh chết thì bị tuyệt tự. Phạm lên ngôi đổi niên hiệu là Ứng Thuận, ở ngôi mười lăm năm, thọ bốn chín tuổi.

* Mạnh Tri Tường: Năm này được phong làm Thục Vương. Lần đầu tiên vua lệnh cho khắc bản Cửu kinh (do Phùng Đạo Giam làm).

Thụy tượng Chiên-đàn lưu lạc hai mươi một năm lại trở về Hoài nam.

27. Thiên sư Tuệ Lăng ở Trường Khánh:

Năm này Thiên sư Tuệ Lăng Trường Khánh ở Phước châu thị tịch. Sư họ Tôn, con của Diêm Quan (quan coi về muối) ở Hàng châu. Thuở nhỏ, Sư vốn là người thuần hậu, đặm bạc. Năm mười ba tuổi, Sư xuất gia, thọ giới tại chùa Thông Huyền ở Tô châu, sau đó đi tham vấn khắp các thiền hội.

Niên hiệu Càn Phù thứ năm đời Đường, Sư vào Môn Trung yết kiến Tây Viện, thưa hỏi Linh Vân, nhưng vẫn còn ngưng trệ. Sư bèn đến Tuyết Phong. Sư hỏi:

- Con đường từ trước chư thánh truyền thọ đến thế nào, xin thầy khai thị!

Tuyết Phong im lặng. Sư lạy tạ lui ra. Tuyết Phong mỉm cười.

Hôm khác Tuyết Phong nói với Sư:

- Ta thường nói với Sư tăng, Nam sơn có một con ba ba mũi rắn, các ông phải khéo xem.

Sư đáp:

Hôm nay lại có người táng thân mất mạng.

Tuyết Phong im lặng.

Sư vào phương trượng tham vấn. Tuyết Phong hỏi:

- Làm gì thế?

Sư đáp:

- Hôm nay trời mát, làm việc tốt.

Từ đó thầy trò ứng đối chưa từng lệch lạc huyền chỉ. Sư thuật bài tụng:

*Ngay trong vạn tượng hiện toàn thân
Chỉ người tự nhận mới thấy gần
Ngày xưa nhâm lẫn tìm quanh quẩn
Hôm nay thấy được tuyết trong lò.*

Sư tới lui Tuyết Phong suốt hai mươi chín năm. Năm Thiên Hựu thứ ba, Sư nhận lời thỉnh của Tuyên Châu Thứ sử Vương Diên Ân đến trụ tại Ckiều Khánh. Sau đó Mân Soái thỉnh Sư về Tây viện của Phủ Trường Lạc. Tây viện được đặt tên là Trường Khánh, hiệu của Sư là Siêu Giác Đại Sư.

Sư thượng đường giây lâu rồi bảo chúng: Có người biết nhau chẳng? Nếu không biết nhau là lừa dối huynh đệ, như nay lại có việc gì? Chớ thấy bít lấp rồi cho là không có. Đó lại là việc trong nhà của ai? Ngay đây không chịu đảm đương còn đợi đến bao giờ? Nếu là kẻ lợi căn tham học, thì đừng vào trong ấy. Hiểu không? Ngày nay có nhóm người hành cước, trong tai đã đầy tràn rồi, giả sử có thu thập được điều gì nữa, có đáng là việc của người hành cước không?

Những lời khai thị của Sư được chép đủ trong Thuyền Đăng, Sư khai pháp ở hai nơi, đồ chúng tới một ngàn năm trăm người. Sư hoằng hóa ở Mân, Việt suốt hai mươi bảy năm. Sau, Sư thị tịch vào ngày mười bảy tháng năm niên hiệu Trường Hưng thứ ba, đời Đường, thọ bảy mươi chín tuổi tăng lạp sáu mươi hạ.

Quý Ty: Ngô Việt Tiền Truyền Quán: Tự là Văn Bảo, con trưởng của Tiền Lưu, theo cha chinh phạt mà có công lớn, được quần thần thỉnh lập lên được chín năm.

Mân: Đổi niên hiệu là Long Khải.

* Mẫn Đế: Tên là Tồn Hậu, con thứ sáu của Minh Đế. Minh Đế bị bệnh nặng, Tần Vương Trùng Vinh làm loạn bị Mạnh Hán Quỳnh chém chết. Tháng mười một hạ chiếu cho mời Tống Vương Tồn Hậu (ông còn có tên là Tùng Hậu) vào triều giữ việc trong Thiên Hùng Quân Phủ. Đế mất để tang kín sáu ngày, quần thần đón ông từ đất Nghiệp về và lên ngôi ngay trước linh cửu của Minh Đế. Năm Giáp Ngọ ông đổi niên

hiệu là Ứng Thuận. Ông nghe lời bọn Chu Hoàng Chiêu dời Lộ Vương Tôn Kha ra trấn giữ Hà đông, Lộ Vương không tuân mệnh, ông sai binh thảo phạt. Lộ Vương chỉnh đốn binh mã kéo về Đông. Đế chạy sang Ngụy châu rồi đến đất Vệ ở nhờ với thứ sử Ngọc Hoàng Chí. Lộ Vương vào yết kiến, Thái hậu lệnh cho ông lên ngôi, phế Mẫn Đế xuống làm Ngạc Vương, bắt Hoàng Chí dẫn Đế lên thẳng điện rồi ép uống thuốc độc, Mẫn Đế không chịu uống, Thái hậu ra lệnh thắt cổ cho ông chết. Về sau truy tặng ông thụy là Mẫn Đế. Ông ở ngôi được năm tháng.

Giáp Ngọ: Tháng tư đổi niên hiệu là Thanh Thái.

* Mạt Đế Tôn Kha: Con nuôi của Minh Tông, vốn là người Bình sơn, Trấn châu, họ Vương, gia thế rất nghèo. Mẹ ông là Ngụy thị. Khi Minh Tông làm Kỵ tướng, ngang qua Bình sơn nhặt được đứa bé tên A Tam chừng mười tuổi, và nhận làm con nuôi, đặt tên là Tôn Kha. Lớn lên ông cưỡi ngựa bắn cung rất giỏi, được phong làm Lộ Vương. Ông lên ngôi hai năm, bị Thạch Kính Đường cầu kết với Khiết Đan nắm hết quyền chánh. Cả nhà ông tự thiêu, ông thọ năm mươi một tuổi, ở ngôi hai năm.

* Thục Tri Mạnh Tường: Họ Mạnh, tự Bảo Dận, người Long cương, Kinh châu. Ông nội là Sát giữ chức Chiêu Nghĩa Tiết Mao, cha là Nhạc giữ chức Tư Châu Thứ Sử. Mẹ ông họ Vương, nằm mộng thấy mặt trời mặt trăng, rồi sinh ông ở Thái Nguyên. Về sau ông thờ nhà Đường được phong làm Thục Vương. Minh Tông mất, Tường bèn lập quốc hiệu là Thục, đổi niên hiệu là Minh Đức, ở ngôi một năm. Tháng sáu, ông bệnh bèn giao nước cho Sưởng.

28. Mở khoa khảo thí chư Tăng:

Tháng hai năm này, Công Đức Ty tâu: “Mỗi năm vào ngày sinh của vua, các châu phủ lập ra Giảng kinh khoa, Thiên định khoa, Trì niệm khoa, Văn chương nghị luận khoa để khảo thí chư Tăng Ni có khả năng hay không”. Vua chuẩn tấu.

Ất Mùi: Hứa Vương: Con út của Minh Tông được Khiết Đan lập, không đầy một tháng thì bị hại.

* Thục Sưởng: Con thứ ba của Tri Tường, lúc nhỏ có tên là Tấn. Tường mất, ông lên ngôi, không đổi niên hiệu, trị vì ba mươi một năm. Lôi Thị nói: Tri Tường, Hậu Thục hai chủ trị vì bốn mươi một năm.

29. Tấn Thạch Kính Đường:

Thạch Tấn, họ Thạch, Vương Kim Đức. Lôi Thị nói: Tấn Cao

Kính Đường, Thiếu Đế, Đan Chủ, hai họ, ba chủ trị vì mười một năm.

Bính Thân: Đổi niên hiệu là Thiên Phước.

* Cao Tổ Thạch Kính Đường: Người T6an Dương, cha Cảo Liệt Kê vốn xuất thân từ Tây Di. Từ Chu Da quy phục nhà Đường, ở tại Sơn Âm. Sau, ông theo Khắc Dụng chinh phạt lập công, làm đến chức Lạc Châu Thứ sử rồi sinh ra Đế. Đế họ Thạch, không hiểu vì nguyên nhân gì mà Minh Tông rất thương yêu ông đem con gái là Vĩnh Ninh công chúa gả cho ông, cho giữ chức Thái Nguyên Tiết Độ. Tông thất nhà Đường loạn, Mạt Đế sai Kính Đường ra trấn Thiên Bình, ông không đi, Đế đem binh thảo phạt. Thạch cùng bọn Tang Duy Hàn, Lưu Tri Viễn giả binh của Khiết Đan, Quang phá binh Đường, ông theo tiên phụ thờ Quang, nhân đó diệt nhà Đường, lập đàn lên ngôi, đổi niên hiệu là Trường Hưng, bảy năm sau, tức Thiên Phước năm đầu, tháng mười binh đến, Đế tự đốt thân. Tháng mười một Kính Đường vào Lạc Dương, trị vì bảy năm, thọ năm mươi một tuổi, an táng ở An lăng.

* Mân Sưởng: Con trưởng của Lân, tên là Kế Bằng, lên ngôi xong theo đạo, giết Lý Phồng, đổi niên hiệu là Thông Văn, ở ngôi bốn năm, bị Diên Hy Tử giết.

Đình Dậu: Mỗi năm nhà Tấn dùng ba mươi vạn vàng lụa dâng cho Đại Liêu.

* Nam Đường Thặng: Tự là Chánh Luân, người Từ châu, vốn rất nghèo. Cha tên là Vinh, nhà Đường loạn, chẳng biết ông chết vào lúc nào. Ông có người chị xuất gia làm ni, thường ra vào nhà của Từ Ôn, vì cùng họ với vợ của Từ Ôn. Thặng cao bảy thước, tính ôn hòa, về sau diệt Ngô Bạc rồi tự lập. Ông đổi niên hiệu là Thặng Nguyên, thọ năm mươi sáu tuổi, chiếm cứ Giang Nam. Lôi Thị nói: Lý Đường chiếm Kim Lăng ba đời chủ trị vì ba mươi chín năm.

Mậu Tuất: Thực đổi niên hiệu là Quảng Chánh. Đại Liêu đổi niên hiệu là Hội Đồng, quốc hiệu là Đại Liêu.

Canh Tý: Mân Diên Hy, con út của Thẩm Tri, sau khi lên ngôi ông đúc tiền lớn, lấy một đồng để thay mười đồng. Nhân lúc đi chơi về say, bọn Liên Trọng Ngô sai tráng sĩ là Mã Thượng giết chết. Ông ở ngôi bốn năm, đổi niên hiệu là Vĩnh Long. Đất Hán độ được mười một ngàn người xuất gia làm Tăng.

Tân Sửu: Ngô Việt Vương Tá tự là Hữu Lập, con của Quán, lên ngôi bảy năm, thọ hai mươi tuổi.

Nhâm Dần: Nam Hán Bân, lúc đầu có tên là Hồng Độ, con của Cung. Diêu Khu, Quy Đồ đều chết sớm, Bân lên ngôi được hai năm,

đổi niên hiệu là Quang Thiên. Về sau ông bị bọn Đạo Tường, Trần Tư Hồ giết chết.

Quý Mão: Nam Hán Thịnh, lúc đầu có tên là Hồng Hy giết Bàn rồi tự lập, phong bọn Tư Hồ là công thần, đổi niên hiệu là Càn Hòa, ở ngôi hai mươi năm, do uống quá nhiều rượu mà chết, thọ ba mươi chín tuổi.

Giáp Thìn: Đổi niên hiệu là Khai Vận. Thiếu Đế Trọng Quý, cháu trai của Cao Tổ (Cao Tổ coi như con). Cao Tổ có sáu người con nhưng đều chết, cha Thiếu Đế là Kính Nho vốn là anh của Cao Tổ. Cha ông chết sớm, Cao Tổ nhận ông làm con, vì vậy nên được lập. Ba năm sau, bị Khiết Đan, Chủ Da, Hữu Đức Quang vượt sông vào đất Biện đánh úp. Đế chạy ra Hàng Phong, công Nghĩa Hầu gửi trong phủ của Hòa Long, không biết ông mất năm nào. Ông ở ngôi được ba năm.

Nhà Tấn gồm hai chủ, trị vì mười một năm.

* Nam Đường Cảnh: Con trưởng của Thăng, ở ngôi hai mươi bốn năm, đổi niên hiệu là Bảo Đại, thọ sáu mươi bốn tuổi.

Năm này hoàn thành bộ Cựu Đường Sử, do Lưu Hú soạn giao cho Ty Không Bình Chương Sự (trong này có ghi dị tích của Phật, Tổ).

30. Duyên khởi của việc đánh chuông để dứt khổ:

Ở huyện Thượng Nguyên, Giang Nam có một người chết giấc, ba ngày sau tỉnh lại, đến tâu với Đường chủ rằng: Tôi vào cõi âm, gặp Tiên đế, Tiên đế nói: “Những người bị giết nhầm ở gò Tống, Tề, cùng hơn ngàn hàng binh của Hòa Châu kêu oan, ta nhờ ông về nói với quân vương đang trị vì rằng, các chùa trong cả nước hãy đánh chuông chậm thêm nữa. Ta chịu khổ, chỉ khi nào nghe tiếng chuông mới được tạm nghỉ. Nếu nhà vua tạo một quả chuông làm phước cho ta thì càng tốt. Khi còn ở ngôi có lần ta đem tượng Thiên Vương bằng ngọc do nước Vu điền dâng cúng đặt dưới gối trái tượng Phật trong chùa Ngõa quan, việc ấy không hề ai biết. Nay ông đem vật đó làm chứng”.

Đường chủ liền đến chùa Ngõa Quan xem, quả nhiên dưới gối tượng Phật có tượng Thiên Vương bằng ngọc. Nhà vua rơi lệ ngậm ngùi. Ông liền cho đúc một quả chuông tại chùa Thanh Lương và viết trên đó: “Kỳ siêu cho Liệt Tổ Khảo Cao Hoàng Đế mong thoát u đồ”. Rồi Đường Chủ dựng tháp ở Tương Sơn an trí tượng ngọc ấy.

* Ân Diên Chánh: Con của Thẩm Tri. Diên Hy bạo ngược vô đạo, ông nhiều lần gửi thư can gián, Hy nổi giận sai Đổ Kiến Sùng đem binh đánh ông, nhưng bị ông đánh bại. Ông bèn lập Kiến châu, đổi quốc hiệu

là Ân, đổi niên hiệu là Thiên Đức, ở ngôi ba năm. Lôi Thị nói: Diên Chánh đổi quốc hiệu Ân, lập Kiến châu được ba năm.

31. Vua Liêu là Đức Quang ngự ở Biện cung:

Ất Ty: Khiết Đan giận Đế nên không dâng biểu, không làm tôi, rồi cử đại binh vào triều, Thiếu đế nghênh đón ông ở Đàn châu.

Bính Ngọ: Tháng giêng, Liêu chủ là Đức Quang vào đất Tấn. Không đầy một năm bắt dân phải bôi đen mặt mũi, Tổ Uy, Lý Thủ Chân, Tống Ngạn Quân đều hàng Khiết Đan. Trương Ngạn Trạch phá cửa ải xông vào, Thiếu Đế hoảng sợ, nghinh bái ở cung, Khiết Đan không thi lễ, mà sai tả hữu bắt trời Thiếu Đế. Ngạn Trạch chuyển thư của Liêu chủ bảo Thái hậu an ủi vua, giáng Tấn Đế xuống làm Phụ Nghĩa Hầu cho ở tại Hoàng long phủ, tức là Hòa long thành của Mộ Dung thị. Khiết Đan ngự ở Biện cung nhận lễ lạy của bá quan, dùng quốc cữu là Ma Lạc Túc Hàn ở lại giữ Biện cung. Đan cho rằng thiên thời đến nên phát binh qua Đại Lương, từ Bạch Mã vượt sông, đuổi hết quan lại tới Thường sơn. Đến Loan thành thì bị binh người trong nước đem thây của Hồ Lâm mổ bụng rồi cho muối vào và gọi đó là “mắm vua”.

* Hán: Họ Lưu, Vương Thủy Đức đóng đô ở đất Biện. Lôi Thị nói: Hán Tổ Tri Viễn, Ân Đế Thừa Hựu hai chủ trị vì bốn năm.

32. Hán Lưu Tri Viễn:

Cao Tổ Tri Viễn, về sau còn có tên là Cảo. Cha ông vốn là người thuộc bộ lạc Sa Đà di cư sang Thái Nguyên và sinh ông ở Tấn Dương. Vốn nghề nông, nhưng ông rất giỏi võ, về sau ông và Kính Đường cùng làm tướng thị vệ cho Minh Tông. Khi Thạch Tấn được lập ở Thái Nguyên, ông làm Thị Vệ Thân Quân Đô Ngu Hầu. Thiếu Đế tấn phong ông làm Thái Nguyên Vương. Khiết Đan vào kinh sư, Thiếu Đế bị bắt sống, ông bèn mưu đồ khởi nghĩa. Tháng hai ông lên ngôi ở Thái Nguyên tự xưng là Hán Vương đem binh vào đất Biện giết Hứa Ngọc cùng Thái phi, gồm thâu nhà Tấn. Mùa xuân năm thứ hai, ông mất, ở ngôi một năm. Năm này là niên hiệu Khai Vận thứ tư đời Tấn.

* Liêu Thế Tông: Tên là Lập, húy là Nguyễn Phiên, tự là Nguyên Dục, cháu của Thái Tổ, con của Đông Đan Vương Đột Dục. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Thiên Lộc, trị vì năm năm.

* Sở Hy Quảng: Tự là Đức Phi, em cùng mẹ với Phạm, lên ngôi được ba năm bị anh đem binh chinh phạt, ông thất cố tự vẫn.

Mậu Thân: Đổi niên hiệu là Càn Hựu.

* Ngô Việt Tông: Con của Lam, em của Tá, lên ngôi một năm bị Hồ Tiến Tư nghi kỵ phế xuống và cầm tù ở Nghĩa Hòa viện, Tư đón Thúc lên ngôi, dời Tông về Đông phủ.

Kỷ Dậu: Ân Đế Thừa Hựu: Cao tổ có hai người em là Sùng và Tín. Con của Sùng là Bân đều là hoạn quan. Ba người con của Cao Tổ là Thừa Huấn, Thừa Hựu và Thừa Huân. Đích tử của Huấn đã chết, các con ông còn nhỏ, nên Cao Tổ để Hựu nối ngôi, ông được tín nhiệm, nhưng xa lánh đại thần, lúc ấy ông mới mười tám tuổi. Hồi ấy bọn Lý Nghiệp kể tội ông ở điện Quảng Chánh, lại thêm Vương Chương, Dương Phân, Sử Hoằng Triệu lại sai người đi giết Quách Uy ở đất Nghiệp, Uy bèn đem binh vào cung, Đế xuất thành chạy đến thôn Nam Triệu bị Lĩnh Nhân Quách Doãn Minh đâm chết, thọ hai mươi tuổi.

* Ngô Việt Vương Thúc: Em của Tá, tự Văn Đức do Hồ Tiến Tư lập lên, trị vì ba mươi năm.

* Kinh Bảo dung: Tự Đức Trường, con thứ ba của Hối, ở ngôi mười năm, thọ bốn mươi một tuổi.

* Sở Hy Ngạc: Anh của Quảng, giết Quảng rồi tự lập. Năm sau Ân Đế mất, kinh sư đại loạn, Ngạc bèn làm bề tôi cho Lý Cảnh và được phong làm Sở Vương. Ông giao việc chánh sự cho em là Hy Sùng, Sùng cũng làm bề tôi cho Cảnh. Cảnh sai Biên Hạo vào đất Sở, dời họ Mã về Kim Lăng.

33. Thiên sư Vân Môn Văn Yến:

Sư họ Trương, quê ở Gia Hưng, Cô Tô. Đầu tiên Sư đến tham học với Thiên sư Tung ở Mục châu. Tung vừa thấy Sư liền đóng cửa lại. Sư gõ cửa ba lần, Tung hỏi:

- Ai?

Sư đáp:

- Con.

- Có việc gì?

- Việc mình chưa rõ, xin thầy chỉ dạy.

Tung vừa mở cửa, Sư liền lách vào. Tung nắm Sư đứng lại bảo:

- Nói mau! Nói mau!

Sư nghĩ ngợi, Châu buông Sư ra nói:

- Kẻ vô dụng!

Từ đó Sư ngộ nhập. Tung bảo Sư đến yết kiến Tuyết Phong.

Sư đến trang sở của Tuyết Phong, gặp một vị Tăng đang lên núi. Sư nói với vị Tăng: “Ông lên núi yết kiến Hòa thượng, Hòa thượng

thượng đường, chúng vừa nhóm họp, ông ra nắm lấy cổ tay Hòa thượng và nói: Gả này! Trên cổ mang gông sao không cởi ra”.

Vị tăng ấy làm đúng như lời Sư dạy. Tuyết Phong liền xuống tòa nắm đứng lại nói:

- Nói mau! Nói mau!

Vị tăng không đáp được. Tuyết Phong nói:

- Vừa rồi chẳng phải lời của ông!

Tăng thưa:

- Chính là lời của con.

Tuyết Phong gọi: Thị giả! Đem dây gậy lại đây!

Tăng liền thưa:

- Lúc nãy trong trang viện con gặp một Thượng tọa ở Chiết trung bảo con đến nói như vậy.

Tuyết Phong bảo:

- Đại chúng! Đến trang viện nghênh đón Thiện tri thức của năm trăm người lên!

Sư lên núi, vừa gặp Sư, Tuyết Phong liền hỏi:

- Do đâu đến được đất này?

Sư liền cúi đầu. Từ đó thầy trò khế hợp. Sư quyết trạch rất lâu, rồi đi tham vấn khắp nơi. Sau, Sư đến Quảng Trung, Thiền sư Linh Thọ Tri Thánh biết Sư sẽ đến liền dẫn chúng ra ngoài nghênh đón, thỉnh Sư làm Thủ tòa.

Linh Thọ tịch, viết thư để lại cho Quảng Chủ dặn phải thỉnh Sư kế thế trụ trì. Sư thượng đường, tăng hỏi:

- Thế nào là giáo pháp của một thời?

- Đáp một câu.

- Thế nào là pháp nhãn?

- Cùng khắp.

- Thế nào là nơi chư Phật xuất thân?

- Đi trên mặt nước Đông Sơn.

- Xin thầy chỉ cho đường vào!

- Ăn cháo ăn cơm.

- Thế nào là câu thấu suốt Pháp thân?

- Ẩn thân trong Bắc Đẩu.

- Thế nào là một câu chẳng hở môi miệng?

- Câm cái miệng chó lại!

- Thế nào là chuyện động mà không rơi vào giai cấp?

- Nam Đẩu bảy, Bắc Đẩu tám.

Sư nói: Lòng mi bày tròn mười phương, lòng mày thấu thẳng trời đất, dưới thấu đến suốt vàng, núi Tu-di chặn lấp cổ họng ông, hiểu không? Nếu hiểu được thì can được hai nước Chiêm Ba và Tân La đánh nhau.

Sư lại nói: Dem hết đất trời đồng loạt để trên mi mắt các ông, các ông nghe nói được cái gì? Chẳng dám nhìn ông, tới lui thô tháo, hãy nắm lão tăng đánh cho một phen. Hãy thông thả mà xem kỹ là có hay là không, là cái đạo lý gì! Giả như nói rõ được, nếu gặp được nạp tăng cũng bị đập bể ống chân. Nếu ông là con người ấy có nghe nói nơi nào có lão túc xuất thế không? Đó lại là nhỏ nước miếng lên mặt làm ô uestai mắt ta. Nếu ông không phải là tay chân ấy, thì vừa nghe người ta cử liền đảm đương được, là đã rơi vào cơ thứ hai rồi.

Sư lại nói: Giả như gặp việc không trệ, đạt được danh thân, cú thân, tất cả pháp không, sơn hà đại địa là danh, danh cũng không nắm bắt được, làm thành viên mãn tánh hải Tam-muội đi nữa, vẫn là sóng gợn lăn tăn không gió. Nếu có quên cái biết, cái tỉnh giác, tỉnh giác tức Phật tánh; được mệnh danh là người vô sự, cũng cần phải biết có một con đường tắt hưởng thượng.

Sư nói tiếp: Khảy tay, ho hét, nhượng mày, chớp mắt, giơ kiềng chùy, dựng Phất tử hay làm mọi động tác khác đều là vợ móc câu, nhặt dây cước. Hai chữ Phật pháp chưa từng nói được, nếu nói được tức là bôi phân trét phần.

Sư lại nói: Ánh sáng không xuyên qua, có hai loại bệnh. Thứ nhất, bất cứ nơi nào cũng không rõ được vật trước mắt. Thứ hai, thấu được tất cả các pháp không vẫn mập mờ giống như mọi vật gì đó, vậy cũng là ánh sáng chưa xuyên suốt. Lại nữa Pháp thân cũng có hai bệnh. Thứ nhất, đạt được Pháp thân, là pháp chấp không quên, cái thấy của mình vẫn còn, đó chỉ là ở bên cạnh Pháp thân. Thứ hai, giả như thấu được Pháp thân đi nữa, buông bỏ tức không được, phải xét kỹ xem có chút khí lực nào không, đó cũng là bệnh. Giả sử không may may âu lo đến càn khôn đại địa thì vẫn là câu chuyển ngữ, không thấy một sắc mới nêu được một nửa. Giả như được như vậy, cũng cần phải biết có thời tiết, có nêu lên hết.

Sư ở Linh Thọ rất lâu, sau đó qua ở Thiều Dương, Vân Môn. Quảng Chủ nhiều lần thỉnh Sư vào triều hỏi pháp, tôn kính Sư như thầy. Học chúng của Sư không dưới ngàn người. Lúc lâm chung Sư dâng biểu từ giã Quảng Chủ, thuyết giới cho đồ chúng rồi an nhiên thị tịch, dặn dựng tháp ở ngay phương trượng.

Mười bảy năm sau, tức Càn Đức năm thứ ba, Hàng Vũ Quân Tiết Độ ở Thôi Quan viện là Thiệu Trang mộng thấy Sư. Sư cầm Phất tử vẫy Thiệu Trang đến và nói: “Ông nói hộ ta rằng Tú Hoa Cung Sư Đặc Tiến Lý Thác hãy tâu xin mở tháp, ta lâu nay bị nhốt trong tháp này, nay phải để ta ra ngoài một lát”.

Lý Thác nghe vậy liền tâu với Quảng Chủ xin cho mở tháp. Quảng Chủ hạ chiếu đồng ý, sai Thiệu Châu Thứ sử cùng đến Vân Môn mở tháp. Quả nhiên thấy nhan sắc Sư như người sống, râu tóc dài thêm ra. Lý Thác tâu rõ lại mọi việc, Quảng Chủ bèn thỉnh chân thân Sư vào cung cúng dường, hơn tháng sau mới thỉnh về lại tháp, ban cho Sư thụ là Đại Từ Khuông Chân Hoằng Minh Thiền sư. Đệ tử có Trưng Viễn là người nổi pháp.

Canh Tuất: Tháng mười một, binh của Quách Uy đến, Hoàng thượng bị quân binh giết. Nhà Hán gồm hai chủ, trị vì bốn năm, bị Quách Uy soán ngôi.

34. Châu Quách Uy:

Họ Quách, Vương Thủy Đức gồm ba chủ, đóng đô ở đất Biện. Lôi Thị nói: Châu Tổ Quách Uy, Thế Tông, Cung Đế, ba chủ trị vì chín năm.

Tân Hợi: Thái Tổ Quách Uy, còn có tên là Quảng, người Đường sơn, Hình châu. Cha ông là Giản, thờ vua Tấn làm đến chức Thuận Châu Thứ sử. Thuở nhỏ ông mồ côi, nghèo khổ, rày đây mai đó. Năm mười tám tuổi, có sức mạnh dũng khí, từng giết người giữa đường. Lý Kế Thao tiếc cái dũng của ông nên tha chết. Về sau Hán Cao Tổ sai ông làm Khu Mật Sứ. Ân Đế nghe lời Lý Nghiệp sai người sang cung phụng Lý Nghiệp và ngầm đưa chiếu để giết ông. Ông liền khởi binh, ban đêm Ân chạy được bảy dặm thì binh lính tan vỡ, Ân về đến Huyền bắc môn, Lưu Thủ đang giữ ở đây liền hỏi Ân: Tả hữu, binh mã ở đâu? Và bắt bọn tả hữu. Ân quay ngựa chạy về hướng Tây bắc, đến Triệu thôn thì bị Lệnh Nhân Quách Doãn Minh đâm chết. Ông đón con trai của Mân là Bân lên ngôi, nhưng đón chưa đến nơi thì binh sĩ bọn Phùng Đạo Suy tôn ông lên ngôi. Thái hậu phế Bân xuống làm Tương Âm Công, dùng ông làm người cai quản việc nước, ông nhận lời giáo huấn của Hán Thái hậu và lên ngôi, ông đem hết khí cụ trong cung Hán đập hết trước sân rồng, và hạ chiếu rằng, từ nay về sau những vật lờ lẹt không được mang vào cung. Nhiều lần ông răn dạy Tấn Vương rằng “Ta chết phải mặc áo giấy, tẩm liệm trong quan bằng đất”. Tháng giêng năm Giáp

dần, ông mất, ở ngôi ba năm. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Quảng Thuận.

* Liêu Mục Tông Cảnh Phiên: Tên là Ngột Luật, con trưởng của Thái Tông. Tháng chín năm này Thế Tông Ngột Dục làm Yên Vương, bọn Thuật Quỹ giết ông ở Hỏa thần phiếm, Hà Bắc Tân châu, ông lên ngôi đổi niên hiệu là Ứng Lịch. Đến năm Mậu Thìn, tức Tống Thái Tổ niên hiệu Khai Bảo năm đầu, tháng chín ông bị đầu bếp giết chết dưới núi Hắc sơn, trị vì mười tám năm.

* Đông Hán Mân: Họ Lưu, em cùng mẹ với Hán Tổ, ban đầu ông có tên là Sùng làm Thái Nguyên Thủ. Càn Đức thứ tư, ông mất, ở ngôi ba năm.

Thế Tôn diệt độ được một ngàn chín trăm năm.

35. Thiên sư Tuệ Ngung ở Nam Viện: (Nhâm tý)

Năm này Thiên sư Tuệ Ngung ở Nam Viện, Nhữ châu thị tịch. Sư là người Hà Bắc, tiếp nối dòng pháp của Thiên sư Hưng Hóa Tôn Tướng. Sư thượng đường dạy chúng: “Trên cục thịt đỏ vách cao ngàn nhận”.

Có vị Tăng hỏi:

- Trên cục thịt đỏ vách cao ngàn nhận đâu không phải là lời của Hòa thượng?

- Phải.

Vị tăng ấy liền lật giường Thiên. Sư bảo:

- Con lừa mù, và đánh vị Tăng.

Sư lại nói:

- Các nơi chỉ đủ con mắt đồng thời cắn mổ mà không đủ cái dụng đồng thời cắn mổ!

Có vị Tăng hỏi ngay:

- Thế nào là cái dụng đồng thời cắn mổ?

Sư đáp:

- Cao thủ thiên lâm không cắn mổ, đồng thời ấy cũng mất.

Tăng thưa:

Đó vẫn chưa phải là điều con hỏi.

Sư hỏi:

- Thế ông hỏi điều gì?

Tăng đáp:

- Mất!

Sư liền đánh, tăng không chấp nhận.

Về sau trong pháp hội Vân Môn có hai vị Tăng nhắc lại nhân duyên này. Một vị nói: “Hồi ấy Nam Viện đánh gãy gã đó”. Vị tăng kia nghe xong hốt nhiên đại ngộ, lúc này mới thấy rõ chỗ đáp của Nam Viện, vị Tăng liền quay về Nhữ châu tham cứu. Gặp phải lúc Sư đã tịch, tăng bèn hỏi Phong Huyệt. Phong Huyệt nhận ra ngay liền hỏi:

- Thượng tọa là kẻ hồi ấy hỏi Nam Viện “đồng thời căn mỗ” phải không?

Tăng đáp:

- Phải!

Huyệt hỏi:

- Vậy hiểu chưa?

- Hiểu rồi!

- Lúc ấy không hiểu thế nào?

- Lúc ấy con như người đi trong bóng đèn!

- Vậy là ông hiểu rồi!

Quý Sư: Thụy Tượng Chiên-đàn từ đây xuống một trăm bảy mươi bảy năm ở tại Biện kinh. Cửu kinh khắc bản vừa xong và ấn hành.

36. Thế Tông:

Thế Tông tên là Vinh, tự là Mậu Tiên, cháu của Thái Tổ (Thái Tổ coi như con). Ông vốn họ Sài, người Đường Sơn. Ông là anh vợ của Thái Tổ nhưng giữ lễ như con. Sau ông theo bà cô được nuôi trong nhà Thái Tổ, và Thái Tổ nhận ông làm con. Ông làm quan đến chức Lễ châu Tiết độ sứ. Thái Tổ mất, bá quan để tang kín rồi đón ông lên ngôi trước linh cữu Thái Tổ. Uy ông chấn động Di hạ, đập bỏ rất nhiều chùa chiền. Ông mất năm ba mươi tuổi, an táng ở Khánh lăng, trị vì sáu năm. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Hiến Đức. Lúc này Triệu Khuôn Dận làm Túc Vệ Tướng.

* Đông Hán Thừa Câu: Con thứ của Mân, năm ngoái Mân chết, ông lên ngôi, lạy tăng Kế Hiến ở Ngũ Đài sơn phong làm Hồng Lô Khanh. Ông trị vì ba năm, không đổi niên hiệu.

37. Vua hạ chiếu phế bỏ Phật giáo, định chế Tăng tràng:

Tháng hai, vua hạ chiếu phế bỏ những chùa không được sắc tứ trong thiên hạ, cả thảy ba ngàn ba trăm ba mươi sáu ngôi, chỉ còn hai ngàn bảy trăm ngôi mà thôi; đem tượng đồng đúc tiền. Lúc ấy tượng đồng ở Trấn châu hiển linh lạ thường. Sĩ dân trong châu xin nộp tiền thay nhưng vua không chấp nhận. Đến khi đập lụng tượng, bọn lực sĩ

đều gãy tay mà chết, liền dừng lại nửa chừng.

Vua ra lệnh người xuất gia phải có sự chấp thuận của cha mẹ. Các quận mỗi năm đều phải định chế Tăng tràng. Những người đã chết hoặc hoàn tục cần phải gạch bỏ ngay, tăng tràng bắt đầu có từ đây.

Bính Thìn: Dựng thành của Đại Lương, dùng lịch của Khâm Thiên. Hạ chiếu mời ẩn sĩ ở Hoa Sơn là Trần Bác vào triều hỏi về thuật “Phi Thăng Hoàn Bạch”. Bác đáp: “Thiên tử giàu có bốn biển không cần phải hỏi thuật”. Nói rồi Trần Bác quay về núi.

Đinh Tỵ: Đông Hán đổi niên hiệu là Thiên Hội.

38. Thiên sư Thanh Lương Văn Ích:

Ngày mười bảy tháng bảy năm Hiến Đức thứ năm. Thiên sư Thanh Lương Văn Ích thị tịch. Giang Nam Quốc chủ đích thân đến thăm, mười lăm ngày sau, Sư tắm rửa, từ biệt chúng rồi an nhiên thị tịch. Tắm liệm đã hai mươi một ngày nhưng sắc diện của Sư vẫn như người sống. Công Khanh Lý Kiến Huân cùng môn đồ mặc tang phục phụng toàn thân Sư dựng tháp. Quốc chủ ban Sư hiệu là Đại Pháp Nhân Thiên Sư.

Sư họ Lỗ, quê ở Từ Hàng. Lúc đầu Sư tham cứu giáo môn, nghiên tâm Nho điển, sau du phương gặp Thiên sư La-hán Quế Lâm và đốn rõ đại sự, lập am tĩnh tu. Kế đó Sư đi khỏi Giang Nam đến Lâm Xuyên, Châu Mục thỉnh Sư trụ ở Sùng Thọ. Sư khai đường dạy chúng: “Các ông đã ở cả đây, sơn tăng không thể không nói, nay xin vì đại chúng cử lại một phương tiện của người xưa. Trân trọng!”. Nói xong Sư xuống tòa.

Lúc ấy có vị Tăng bước ra lễ bái, Sư nói:

- Nào! Hỏi đi!

Tăng suy nghĩ định hỏi, Sư nói:

- Trưởng lão chưa khai đường, không có lời đáp.

Có vị Tăng từ Trường Khánh đến. Sư cử lại bài kệ của Trường Khánh rồi hỏi:

- Thế nào là trong vạn tượng hiện toàn thân?

Tăng đưa lên một ngón tay, Sư hỏi:

- Hiểu thế nào mà muốn tranh biện?

Tăng thưa:

- Như tôn ý của Hòa thượng thì thế nào?

Sư nói:

- Gọi cái gì là vạn tượng?

- Người xưa không vạch vạn tượng!

- Trong vạn tượng hiện toàn thân, ông nói cái gì là vạch cùng

chẳng vạch!

Tăng hoá nhiên đại ngộ, thuật kệ rồi đầu thành đánh lễ. Từ đó những người có tri giải khắp hội khác đều đua nhau đến Sư, và Sư bắt đầu ứng cơ tiếp vật. Sư dùng lời mâu nhiệm để kích bác, dần dần mọi người đều quy phục. Học chúng tham học thường không dưới ngàn người.

Sư thượng đường, đại chúng đứng giây lâu, Sư bèn nói: Thế này thì giải tán đi! Có Phật pháp hay không hãy nói thử xem? Nếu không còn đến đây làm gì? Nếu có thì nơi thành thị chỗ nhiều người tụ tập cũng có, cần gì phải đến đây? Các ông đã từng xem Hoàn Nguyên quán, Bách Môn Nghĩa Hải, Hoa Nghiêm luận, Niết-bàn kinh hay chưa? Những kinh sách ấy có loại thời tiết này không? Nếu có nêu ra thử xem! Nếu không thì những kinh luận ấy có những lời gì, có phải là thời tiết này không? Có thì nói mau ra! Bởi vậy những lời nhiệm mâu trệ trong đầu trong tâm, đều là môi trường của duyên lự. Thật tế ở ngay trước mắt, đổi thành danh tướng thì làm thế nào đổi được? Nếu đổi đi rồi thì làm sao trả về nguyên vị của nó? Có hiểu không? Chớ chỉ đọc tụng ngân ấy sách, có chỗ dụng nào không?”.

Không bao lâu đạo hạnh của Sư nổi tiếng ở Giang Biểu. Kim Lăng Quốc Chủ rất trọng đạo của Sư, thỉnh Sư về ở tại Báo Ân, ban hiệu là Tịnh Tuệ Thiền sư. Sau Sư về Thanh Lương, sớm tối khai pháp. Tăng chúng khắp nơi đều rất kính ngưỡng Sư. Những người mộ pháp ở những nước khác cũng vượt ngàn dặm đến cầu học. Đệ tử nổi pháp có: Quốc sư Đức Thiều, Đại sư Giang Nam là Văn Toại, Quốc sư Cao Ly là Tuệ Cự, họ đều xiển hóa tông chỉ của Sư.

Sư thuận cơ tiếp vật, khai thông mở sáng cho họ, hễ nói đến Tam-muội của Cổ Đức, hoặc trình hiểu biết để thưa hỏi, Sư đều tùy bệnh cho thuốc, những người được ngộ nhập thật không kể xiết.

Về sau, Quốc sư Đức Thiều hoằng hóa ở Đông nam rất thịnh, từ đó lập nên Pháp nhãn tông chỉ.

39. Thiền sư Vĩnh Minh Đạo Tiềm:

Sư họ Vũ, quê ở phủ Hà Trung. Ban đầu Sư đến yết kiến Thiền sư Tịnh Tuệ ở Lâm Xuyên. Tịnh Tuệ thấy Sư lấy làm lạ, liền cho vào thất. Một hôm Tịnh Tuệ hỏi:

- Ngoài việc tham vấn, ông thấu tỏ kinh gì?

Sư đáp:

- Kinh Hoa Nghiêm.

- Tổng, biệt, đồng, dị, thành, hoại thuộc môn gì?
 - Trong phẩm Thập Địa, nếu xét về lý thì tất cả pháp của thế, xuất thế gian đều có đủ Lục tướng.

- Cái không có Lục tướng không?
 Sư mỉm cười không biết đáp. Tuệ nói:
 - Ông hỏi lại ta xem!
 Sư bèn hỏi:
 - Cái không có Lục tướng không?
 Tịnh Tuệ nói:
 Rõng rang!
 Ngay đây Sư được khai ngộ, khôn xiết vui mừng, đánh lễ Tịnh Tuệ. Tịnh Tuệ hỏi:
 - Ông hiểu thế nào?
 Sư đáp:
 Rõng rang!
 Tịnh Tuệ thầm hứa khả.
 Hôm khác nhân có thiện nam tín nữ vào viện, Tịnh Tuệ hỏi Sư:
 - Trong Luật ghi: “Cách vách nhưng nghe tiếng vòng xuyên khua, cũng gọi là phá giới”, thấy vàng bạc cùng màu sắc đồ trang sức khác, là pháp giới hay không phá giới?
 Sư đáp:
 Đó là con đường tốt nhất để vào.
 Tịnh Tuệ nói:
 Ngày sau ông sẽ có năm trăm đồ chúng, đồng thời vương hầu cũng rất kính trọng.

Sư đánh lễ tạ từ Tịnh Tuệ, đến trụ trong một ngôi chùa xưa ở Cù châu, ngày ngày xem đại tạng. Trung Ý Vương thỉnh Sư vào phủ thọ Bồ-tát giới, ban thụ là Từ Hóa Định Tuệ Thiền sư, dựng Đại Già lam đặt tên là Tuệ Nhật Vĩnh Minh rồi thỉnh Sư trụ trì. Sư nói: “Ta muốn thỉnh tượng La-hán bằng đồng ở dưới tháp qua chùa mới để cúng dường”. Vương nói: Được! Đêm qua tôi mộng thấy mười sáu Tôn giả xin theo Sư vào chùa, quả nhiên ứng hợp đến thế! Nhưng phải gia hiệu cho Sư thêm hai chữ Ứng Chân nữa vậy”.

Sư chủ trì Đại đạo tràng ở Vĩnh Minh, thường có đến năm trăm người. Sư thượng đường dạy: “Phật pháp rõ ràng, tại sao các người lại không hiểu. Chư Thượng tọa muốn hỏi Phật pháp nhưng chỉ hỏi ông này ông nọ, muốn hiểu thế pháp thì phải tham cứu tông lâm của Phật xưa, vô sự thì ngồi lâu”.

Tăng hỏi:

Đạo lớn không khó, mượn lời để nêu đạo, vậy thế nào là lời để nêu đạo?

Sư đáp:

- Cấm kỵ chọn lựa!
- Thế nào là ánh sáng lành của mặt trời trí tuệ?
- Từ đây đi Báo Từ không xa.
- Làm thế nào tự mình nhận được đuốc sáng?
- Cứ thế! Đừng giao thiệp!

Mậu Ngọ: Mùa xuân, Đế muốn vượt Giang Nam, Đường Cảnh thất kinh sai Binh Bộ Trần Giác Phi dâng biểu cất mười bốn châu ở Giang bắc, sai Châu Chánh Tường đến quy hàng.

* Kinh Bảo Úc: Tự là Tĩnh Cung, con thứ mười của Hối, ở ngôi bốn năm, thọ năm mươi chín tuổi.

Kỷ Mùi: Triệu Thái Tổ Quang Dận: Nhiều năm chinh phạt nên có công, làm đến chức Quy Đức Tiết Độ Sứ, Điện Tiền Đô Điểm Kiểm.

Tháng sáu Thế Tông chinh phạt phía Bắc, bị bệnh, mụn nhọt sau lưng vỡ ra và chết giữa đường.

* Cung Đế: Sùng Huấn con thứ tư của Thế Tông, bảy tuổi lên ngôi, sai Tống Thái Tổ Triệu Quang Dận đánh Hà Đông. Quân tình bỗng nhiên biến loạn, có lời phi báo: “Chẳng bằng phò Điểm Kiểm (Quang Dận) lên làm Thiên tử”. Do vậy lập Tống Tổ, giáng phong Cung Đế xuống làm Trịnh Vương. Ông ở ngôi một năm.

Nhà Châu gồm ba chủ, trị vì mười một năm.